

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Vải

Vải ; ông nội, ông tổ
(ông bà ông vải)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chửi đổng miền Nam

" Văn minh miệt vườn " miền Nam cũng tỏ ra không thua kém miền Bắc.

- Con hai mày ăn ở phi thường, thiệt mày đồ đĩ thõa, *mèo đàng chó điểm, mày ăn đàng sóng mày nói đàng gió*, mày hại cha con tao bạn này nghèo to.

Đến lúc diễn ra cái bộ dạng mắng chửi, *tiếng như mō rao*, chân như múa hát, lên tay, xuống ngón, mặt như sơn đỏ, tóc như tơ vò, nước miếng như bọt giải, tay cầm đất lia, chân đi cà xiềng không khác gì người điên...

(Nguyễn Dư)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó..

Ngàn: bờ bãi, rừng núi - *bạt ngàn*.

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chửi mát gà ở Huế

Cao tăng tổ đĩ, cao tăng tổ khảo, cổ tổ gia tông cả ông, cả bà, cả cha, cả mẹ, chú bác, anh em, họ nội, họ ngoại, xa gần ân ái, họ gái họ trai, dưới âm phủ đội mũ mà lên, trên thiên đàng xếp hàng mà đi xuống, bay hầy vén mái tai, gài mái tóc đặng chống tai lên cho rõ, chống cửa ngõ cho cao, *chặt hàng rào cho thấp* để mà nghe tao chửi đây nè:

Tau chửi cho tan nát tông môn họ hàng cái quân khốn kiếp, cái quân vô hậu kế đội đã ăn hết của tau bầy con gà xám, tám con gà vàng. Bay ăn chi mà ăn ác hơn ác nghiệp, ăn một lần một chục rươi con gà. Bay ăn cho chồng bay sợ, cho con bay kinh, bay ăn cho ngã miếu sập đình, cho mò cha bay chết hết để một mình bay ngồi đó mà ăn. Đồ cái quân *ăn chó cả lông, ăn hồng cả hạt*. Cái quân không sợ trời đánh thánh đâm... bay ăn mần rãng mà hết chục rươi con gà?

Chữ là nghĩa

Hôm qua đọc được câu thơ thấy tiếng Việt mình phong phú quá.

Ai về để áo cho ai

Ai về ai nhớ áo ai ai chờ

Chỉ có 2 câu thơ mà có 6 chữ "ai" mà chữ ai lại có ý nghĩa khác nhau. Ai mà học tiếng Việt thì chắc phải điền đầu vì... "ai".

Tuần báo Ngày nay bị đình bản

Tờ Ngày Nay bị chính quyền Pháp cảnh cáo vì bức tranh hí họa của *Nguyễn Gia Trí* trên bìa số 144 ra ngày 07 tháng 01, 1939.

Đến số 206 ra ngày 06 tháng 04, 1940, báo bị đình bản 1 tháng vì bức biếm họa *cũng của Nguyễn Gia Trí*.

Ba tháng sau, Pháp rút gấp phép, Ngày Nay đình bản vĩnh viễn sau số 224 ra ngày 07 tháng 09, 1940.

Hồ sơ mật vụ Pháp ở Aix en Provence không thấy nêu rõ lý do.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Câu đố dân gian

Khi nhỏ, em mặc áo xanh,

Khi lớn bằng anh, em thay áo đỏ

(quả ớt)

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Văn học miền Nam thời khởi đầu có hai dấu ấn lớn, một là tác động của các nhà văn từ miền Bắc di cư vào và hai là phong cách của *các nhà văn Nam Bộ*. Tôi nhớ đã từng say mê đọc giọng kể chuyện mộc mạc mà thi vị của "Thằng Thuộc con nhà nông" của *Hồ Hữu Tường*, và những truyện khác của ông. Hàng tháng tôi hồi hộp theo dõi tạp chí Hương Quê, đăng đều đặn mỗi kỳ một truyện ngắn, mới đầu của Bình Nguyên Lộc, sau đó của Sơn Nam. Tiếp nối truyền thống tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, các nhà văn này tiếp tục nâng nghệ thuật của mình lên trong lối kể chuyện tài tình riêng biệt của họ.

Tôi nhận thấy có sự dịch chuyển từ khuynh hướng tiểu thuyết bình dân có tính giải trí đến khuynh hướng tiểu thuyết văn học. Miền Nam khác miền Bắc ở chỗ trong cùng một thời kỳ đã cho phép phổ biến nhiều loại sách giải trí bình dân, kiểu sách thám tử, kiếm hiệp, đường rừng, xã hội tình cảm bi lụy khiến có người cho là rẻ tiền. Như thế nào là tiểu thuyết giải trí và tiểu thuyết văn học? Người đọc truyện ngắn, tiểu thuyết và các hình thức văn học khác thường đi tìm ba điều: sự vui thú, sự hiểu biết và sự thay đổi... Truyện Kim Dung chẳng hạn.

Mặc dù có một xu hướng di chuyển từ Hồ Biểu Chánh đến *Hồ Hữu Tường*, đến Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Nguyễn Thị Thụy Vũ, ranh giới giữa truyện giải trí và truyện văn học không rõ ràng. Theo tôi có thể giải thích rằng người miền Nam không có tính nghiêm nghị, dao to búa lớn, khó dăm dăm. Trên con đường di dân từ Bắc vào Nam, tổ tiên họ có lẽ do phải đối phó với quá nhiều gian khổ trong quá trình khai hoang mở nước, rừng thiêng nước độc, riết rỏi người ta lột bỏ hết những lớp vỏ ngoài, ném đi những áo mào cần thiết trong một xã hội đã định hình và chuẩn hóa cao độ như ở miền Bắc, và con người sống gần với thiên nhiên hơn, hồn hậu, không tin vào ba cái chuyện nghiêm trang vật vãnh trên đời. Văn chương Bình Nguyên Lộc, Vương Hồng Sển, Lê Xuyên thể hiện rõ nhất tính chất vừa văn học vừa giải trí khôi khôi, nhưng đọc rồi thì không quên được. Tôi nhớ những đoạn văn rất hay của Bình Nguyên Lộc trong "Mưa Thu Nhớ Tầm", hay hồi hộp đọc "Chú Tư Cầu" của Lê Xuyên.

(Nguyễn Đức Tùng)

Câu đố dân gian

Khi nhỏ, em mặc áo xanh,
Khi lớn bằng anh, em thay áo đỏ
(quả ớt)

Hồ Hữu Tường - 1

"Dạ, thưa... nhà tôi còn sống được từ trại tù, tới đầu con ngõ. Dạ thưa, *tất thờ ngay đầu ngõ*. Có kịp nhìn thấy nhà cửa không à? Dạ thưa, *chẳng cần đâu, nhìn làm gì mọi thứ đã không còn như cũ*... Vâng, thưa, lúc nhà tôi về tới nhà, chỉ có khoảng nơi trái tim còn hơi ấm...

Bà đưa tay lên.

"Dạ, tôi lấy kịp chút hơi ấm ấy. Dạ, nó vào hết đây."

Miệng có méo xệch đi. Nước mắt có rơi?

Không. Vẫn khuôn mặt bình tĩnh, tuyệt đẹp.

Buổi sáng hôm sau, con ngõ mở ra đường Trần Quang Khải chật ních người. Tôi đứng chờ trước ngõ. Khi quan tài đi qua, dẫn đầu là anh Tuấn, hai tay bưng di ảnh ông bố. Bức di ảnh xung quanh như bị xóa sạch hết. Chỉ có khuôn mặt ông Hồ Hữu Tường ngược lên, với cái micro trước mặt. *Ông ta nói gì với hư vô và hư vô đang nói gì với ông ta?* Ô hay, đã tưởng là không khóc được nữa.

(Tưởng nhớ người đã mất – Nhã Ca)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Ăn trông nòi, ngồi trông đũa bên cạnh.

Ăn trông nòi, ngồi... chờ dọn sẵn

Hồ Hữu Tường - 2

Chẳng nhớ bao lâu sau, có dịp ghé lại. Vẫn ngôi nhà xưa, cũ kỹ, điêu tàn, bề bộn hơn. Bước vào nhà, vắng ngắt. Nhà cửa ngổn ngang những bao gạo, thúng, gánh bỏ không.

Gặp lại người con tên Tuấn.

"Xin lỗi. Tôi muốn thăm cụ bà."

"Mời chị vào. Mẹ tôi có ở nhà."

Bước vào, ngơ ngác.

"Bác đâu?"

"Mẹ tôi kia kìa, chị."

Theo tay, nhìn lên. Bàn thờ giản dị. Trên cái tủ nhỏ, bên trong đồ đạc đã trống hốc, là *hai bức ảnh*, chung một bát hương. Bức ảnh *bà cụ đã đứng tuổi, mắt sáng, đẹp*, bên cạnh ảnh ông chồng nhà văn nghiêm trang. Mắt cả hai như đang nhìn tôi, mỉm cười.

(Tưởng nhớ người đã mất – Nhã Ca)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Thân heo vừa béo lại vừa ù
Bảy nổi ba chìm với nước lu
Chết đuối quấy chân không ai cứu
Đưa nào mà cứu, đưa ấy ngu
(Jap Tiên sinh)

Đã có một thời...

Con gà mất tích

Cho đến khi tôi được coi tù sách – gọi là thư viện – của trại, tôi ở trong một căn nhà tranh nhỏ nằm ngay lối cổng trại ra vào. Bữa đó là chủ nhật, Trần Dạ Từ nhờ tôi mua một con gà của một anh cũng là tù nhưng được gọi là “Trại viên tự giác” ở ngoài trại. Anh ta làm thợ mộc và có nuôi thêm mấy con gà con vịt để ăn và thỉnh thoảng bán lấy tiền mua thuốc hút. Tôi đích thân mang con gà vào trại đưa cho Trần Dạ Từ. Nhưng buổi chiều ông Từ chạy lên tôi kêu toáng lên: Con gà của tôi mất rồi ông ơi, nó giẫy dụa làm tuột dây cột chân rồi chạy mất. Tôi đi tìm hoài không có.

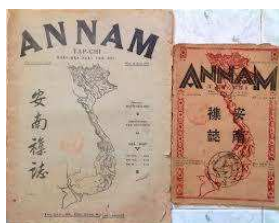
Tôi cũng chẳng biết làm thế nào hơn, nhưng bỗng nảy ra một “sáng kiến” là đợi hoàng hôn khi gà lên chuồng, có thể con gà sẽ tìm về chuồng cũ, tôi sẽ ra hỏi chủ của nó xem. Từ đành phải về ngồi chờ. Tối đó, chờ giờ điểm danh xong, tôi bò ra ngoài gặp anh chủ gà, anh ta cũng là người ngay thẳng nên đưa tôi ra chuồng gà, chỉ có chừng chục con. Không thấy con gà mái buổi trưa đã bán đâu. Chắc nó lưu lạc trong cái trại tù mênh mông đó, không tìm được đường về chuồng cũ hoặc có anh nào tóm được nó rồi. Hôm sau cũng không tìm thấy con gà. Thế là ông Trần Dạ Từ đành nhịn ăn thịt gà.

Còn ông Nguyễn Viết Khánh có tuổi nên được giao cho chức “trực buồng”, không phải xếp hàng đi lao động, chỉ ở buồng dọn dẹp vệ sinh cho đội. Các ông Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Thảo Trường vẫn phải đi làm như tất cả mọi người khác.

(Tết trong trại tù cùng bạn bè – Văn Quang)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tản Đà - Làm báo tùy hứng



Tản Đà say sưa ngật ngưỡng tối ngày. Trong *Tản Đà ở Nam Kỳ*, nguyên thư ký tòa soạn *Ngô Tất Tố* đã xác nhận:

Đành rằng nếu không có rượu thì ông Tản Đà sẽ không phải là ông Tản Đà, nhưng trong khi nó làm cho ông Tản Đà thành ông Tản Đà, chính nó là thủ phạm làm cho "An Nam tạp chí" không có bài đưa nhà in. Bấy giờ "An Nam tạp chí" xuất bản mỗi tháng hai kỳ, nhưng mấy tháng sau nó đã đảo lại: *mỗi kỳ 2 tháng*.

Lưu Trọng Lư kể lại những “gian truân” để được tiếp kiến ông chủ báo "An Nam tạp chí": “...Tôi đến lần thứ nhất vào khoảng tám giờ sáng”. Tên tiểu đồng cho tôi biết rằng ông chủ nhiệm đang ngủ. Mười giờ tôi trở lại, tôi cũng không thấy may mắn gì hơn, nhà thi sĩ vẫn chưa dậy. Mười một giờ tôi lại đến, nhà nho vẫn còn giấc. Tôi đành tự hẹn mình đến chiều. Hai giờ rưỡi tôi đến, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã dậy và *mới bắt đầu ngồi vào chiếu rượu*. Bốn giờ tôi bước vào, thì hình như thi sĩ vừa... hạ đĩa...”.

Trong “Tôi với Tản Đà thi sĩ”, Phan Khôi, người được xem là khắc tinh với Tản Đà trên văn đàn, viết: “Cái lối đánh chén của ông Hiếu kể cả mất thì giờ lắm, tôi không chịu được, nên ít khi tôi ngồi trọn bữa rượu với ông. Ông đem hỏa lò để ở bàn mà tự làm lấy món ăn, khi mãn một tiệc ăn người nhà phải thay than trong hỏa lò đến năm sáu bận. Thường một mình ông vừa ăn uống lại vừa viết nữa. Ông cho có thể mới là thú”.

Ăn nhậu như thế thì thời gian đâu để Tản Đà làm bài? Theo Lâm Tuyền Khách trong “Một tháng với Tản Đà” thì ban ngày Tản Đà không làm việc, chỉ uống rượu, nói chuyện hay đọc sách, đến nửa đêm ông mới trở dậy thắp đèn viết cho đến sáng. Trong tờ báo nhiều khi độc giả thấy những bài Tản Đà viết đang liền mạch, tự nhiên bị bỏ dở trong một thời gian dài mới thấy viết tiếp.

Bởi làm báo tùy tiện và thiếu chuyên nghiệp nên cuối cùng, như Xuân Diệu nói:

“Nhưng một lần kia An Nam tạp chí ra chậm quá chừng, chậm vô cùng, chậm không thể tưởng tượng được: Tạp chí không ra nữa”.

Chữ là nghĩa

Tình yêu...giúp ta vượt lên những suy nghĩ...tâm thường
và đưa chúng ta tới những suy nghĩ...tâm bậy

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tản Đà - Cứng đầu

Chúng tôi thử đi tìm nhưng không thể nào nhận diện được cái nơi ở Sài Gòn mà 80 năm trước Tản Đà cùng *Ngô Tất Tố* đã thuê ở để viết cho tờ Đông Pháp thời báo của ông Diệp Văn Kỳ sau khi An Nam tạp chí bị đình bản ngoài Bắc. “*Cái nhà của chúng tôi ở kế tiếp với Xóm Gà*, nó là một nơi nhà quê thuộc làng Bình Hòa, cách Bà Chiểu độ 4 cây số và cách Sài Gòn độ 10 cây số”.

Ngô Tất Tố kể rằng khi phụ trách phần văn chương cho Đông Pháp thời báo, Tản Đà thường tối ngày uống rượu, mọi công việc giáo phó cho ông cử Tùng Lâm. Một hôm vì thiếu bài, ông cử Tùng Lâm mới phải thêm vào một bài thơ lá cải. Báo ra, bị Tản Đà hạch hỏi, ông cử Tùng Lâm giải thích rằng vì thiếu bài, báo cần lên khuôn mà *không thể xuống tận Xóm Gà để hỏi bài*.

Tản Đà tức giận mắng: “Nếu thiếu bài thì bỏ trắng đấy cho tôi. Không xin phép tôi mà cho bài thơ kia vào, như thế là ông hỗn!”.

Có lần cự nhau, “phóng viên” Tản Đà nói với “tổng biên tập” Diệp Văn Kỳ rằng: “Ông muốn tôi vào đây viết văn hay bữa củi, nếu bữa củi thì lúc nào bữa cũng được. Bằng viết văn thì phải đợi húng, không húng không thể viết”.

Vài ngày sau ông trả nhà về Bắc, không một lời từ giã.

Trong “Người ghét Tản Đà” - tạp chí Văn, số đặc biệt về Tản Đà, 1971, Vũ Bằng thuật lại lời của Ngô Tất Tố than thở về Tản Đà: “Không có tiền thì rầu rĩ, oán trách, rũ người ra như con cú, thế mà một khi có tiền thì lại không muốn làm việc gì hết, chỉ uống và ăn, hết ăn lại uống. Chưa uống thì bảo không có rượu như cái máy không xăng nhớt không chạy được, uống vào sau rồi thì nằm khoèo ra ngủ và lý luận một mình rằng say mà làm việc thì hỏi đời còn có cái gì thú nữa?”.

Tản Đà còn có tính tự phụ, Ngô Tất Tố kể: “Không biết nghe lời anh em khuyên bảo. Cái số anh em thành thực khuyên ông rất hiếm, còn cái số nâng ông lên, sợ cái tài ông mà không dám làm mịch lòng ông thì cả đống. Vì có nhiều kẻ nịnh ông như thế, ông bị hại mà không biết, mỗi ngày mỗi tự phụ thêm lên...”

Đồ nhà khó

Miệng nhà quan có gang có thép
Đồ nhà khó vừa nhỏ vừa thâm
(Trạng Quỳnh)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tản Đà

Nhà văn Nguyễn Công Hoan kể: Trong các nhà thơ tiền bối, Tản Đà phục nhất Tú Xương. Ông đã viết một bài khen Tú Xương đăng trên báo An Nam tạp chí vào khoảng năm 1926. Sau vụ lụt lớn năm ấy, tôi ra Hà Nội. Một buổi tối *Tản Đà* rủ tôi đi chơi mát bằng xe (kéo) trả tiền theo giờ. Người phu xe đêm ấy là một người già và gầy, nhưng vì chúng tôi đi hóng gió,

không cần chạy nhanh mà người phu xe nói là kéo nổi hai người với giá rất rẻ sáu xu một giờ nên chúng tôi lên xe. Chạy được một quãng ngắn, Tản Đà bắt đầu nói chuyện thơ Tú Xương và khen bài thơ “*Sông lấp Nam Định*”:

*Sông kia rày đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.*

Tản Đà nức nở khen chữ “vẳng” và chữ “giật mình”, nó ẩn chứa kín đáo nỗi ngậm ngùi của một tấm lòng hoài cổ. Anh phu xe lúc đầu còn chạy hơi nhanh, đến lúc ấy anh đi thong thả để lắng nghe...

(Huyền Viêm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Trăm năm trong cõi người ta
Chồng hay so sánh... vợ ta, vợ người.

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hồi bé nghe ba kể về Phùng Quán, ngồi há mồm nghe như nghe chuyện ông tiên trên trời, chẳng ngờ có ngày gặp anh. Gặp rồi vẫn thấy anh giống ông tiên, quần bà ba, áo cánh kiêu H’ông, chòm râu trắng phơ phất, đi guốc mộc chậm rãi khoan thai, đôi mắt sáng trưng, nhìn vào ai cũng thấy ảm áp lạ thường.

Nghe anh kể cuộc trần ai *30 năm rượu chịu cá trộm văn chui...* thật hãi quá. Nghĩ bụng mình rơi vào trường hợp của anh liệu có chịu nổi 3 năm không. Anh chỉ cho mình cái cột nhà bà bán rượu phủ kín những vạch phấn cao gần 2 mét. *Cứ mỗi chai rượu chịu là một vạch phấn, có đến mấy trăm vạch phấn như vậy.* Xong cột này lại xóa đi vạch cột khác, mười năm ở Nghi Tâm anh ghi nợ cả chục cột, tính ra *cả chục thùng phuy rượu*, kinh. Phục anh uống nhiều rượu thì ít, phục bà chủ quán cho nợ rượu thì nhiều. Nợ vài ba chai đã không muốn, nợ năm bảy chai đã khó chịu, nợ đến mười lăm chai thì đừng hòng, đặng này bà cho nợ cả thùng phuy.

Bà chủ quán rượu nói mấy ai được Phùng Quán nợ rượu. Tôi mà giàu có tôi thay mặt đất nước đãi rượu nhà thơ Phùng Quán, khỏi phải nợ nần. Ai đời thừa làm được bài thơ học mầu mà một chai rượu không có uống. Phùng Quán rời Nghi Tâm cả chục năm, hôm lên thăm lại bà vẫn thấy cái cột nợ rượu của anh đầy phấn trắng, hỏi sao không chùi đi, bà cười, nói *tôi giữ làm kỉ niệm.*

(Nhớ Phùng Quán – Nguyễn Quang Lập)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cá không ăn muối cá ươn,
Chồng cãi lại vợ trăm đường thiệt thua.

Đường văn ngõ chữ

Người của giai thoại

Cũng như Tô Hoài, Nguyễn Tuân... Xuân Diệu được người cùng thời kể vô số chuyện nghề và chuyện đời, không biết thật đến đâu và hư đến đâu. Xuân Diệu từng tự nói về mình: “Tôi làm thơ đấu tranh thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng dở như anh Huy Cận, anh Chế Lan Viên nhưng tôi còn có thơ tình”. Và Xuân Diệu gọi loại thơ phục vụ xã hội của mình là một thứ “thuế thân”.

Cũng theo ông Phương: “Khi chúng tôi làm tuyển tập Xuân Diệu thời chưa đổi mới, Giám đốc NXB Văn học dặn Xuân Diệu chọn 20 bài thơ trước cách mạng. Xuân Diệu đòi in hơn, không được bèn đổi nói thôi không in nữa. Nhưng hôm sau ông bảo tôi, Phương ạ anh nghĩ rồi. *Mình đổi bảo không in, nó lại không in thật*. Thôi các cậu in được bài nào cứ in, như cứu những đồ vật trong cái nhà bị cháy. Cứu được bài nào vớt ra ngoài sân, được cái chổi cái cối đá cứ mang ra. Còn việc sắp xếp cái nào hơn cái nào thì thời các cậu chưa phải lúc”.

Trần Đăng Khoa điểm sơ hai chặng thơ rõ rệt của Xuân Diệu mà ai cũng biết - trước cách mạng thì rạo rức yêu đương và sống cuồng quít, bay bổng, sau cách mạng thì kéo thơ về mặt đất và cố gắng đưa thật nhiều thực tế đời sống vào thơ. Nhiều lần Xuân Diệu phàn nàn với Khoa: “Cái mồm của thơ ta bé quá. Phải rạch nó ra để nhét đất đá của đời sống vào”.

Xuân Diệu kể vào năm 1960 về Nam Định tức cảnh làm bài thơ *Trước cổng nhà máy xay có bốn câu cuối thể này*:

Cổng đóng, tôi tựa cổng - đứng chơi
Nhìn vào nhà máy với nhìn trời
Thấy mình chắc dạ, nghe no đủ
Như cả nhà xay: gạo của tôi.

Đã nộp “thuế thân” đến mức ấy mà còn bị một nhà thơ trách cứ: “Mọi người đang lao động vất vả, tất bật xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần đấu tranh thống nhất đất nước mà nhà thơ còn đứng chơi!”. Ông Hồng Diệu còn kể: Xuân Diệu có một quyển sổ ghi những thứ phải chi tiêu hàng ngày: Mấy mớ rau muống, vài lạng thịt chó, dăm ba quả trứng gà... do người giúp việc hoặc chính ông mua. Thấy Hồng Diệu cứ lật đi lật lại từng trang có vẻ soi mói, nhà thơ bảo: “Chắc từ bé anh đã chịu khó chịu khổ quá nhiều nên bây giờ mới tỉ mỉ như một bà già lẩm điều thế”.

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lẫn

Lòng em muốn lấy thợ bào
Ảnh khom lưng ảnh đẩy cái nào cũng sâu

Những hình dạng mới của chữ nghĩa

Một giáo sư ngữ học dạy khoa Văn tại Đại học tổng hợp ở Hà Nội cho biết nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh đã phạm những lỗi ngữ pháp về tư duy lôgic. Ngoài lỗi trùng ngôn, trùng ngữ ra còn có một lỗi khác nữa do không hiểu cái thái độ khiêm tốn cố hữu của người Á Đông tôn vinh người đối thoại với mình. Trong khi bản thân mình thì tự hạ thấp bằng những từ xấu nghĩa, cho nên dần dần chuyển thành một nghĩa khác.

Chẳng hạn chữ “quý” trong quý phương, quý nữ hay chữ “nhã” trong nhã ý, chữ “cao” trong cao kiến đã trở thành một đại từ sở hữu chỉ ngôi thứ hai (có nghĩa là “của ngài”) chữ “tệ” trong tệ xá hay chữ “hàn” trong hàn gia, chữ “ngu” trong ngu ý đã trở thành một đại từ sở hữu dùng cho ngôi thứ nhất (“của tôi”).

Vì không hiểu những ý nghĩa phái sinh này, có khá nhiều người nói những câu như “Tôi có *nhã ý* mời anh chị đến dùng cơm” hay “Theo *thiển ý* của bố tôi thì họ rất tốt” đều không ổn, vì “*nhã ý*” chỉ có thể dùng cho ngôi thứ hai (“cái ý nhã nhận của ngài”), còn “*thiển ý*” chỉ có thể dùng cho ngôi thứ nhất (vì tôi không có quyền “khiêm tốn giùm” cho bất kỳ ai khác).

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lẫn

Sau một loạt ấn bản “từ điển Vũ Chất” bị “tuýt còi” với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ... giật mình, đó là cuốn “Từ điển tiếng Việt” do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn có những định nghĩa gây choáng váng:

”nhà xác” là... “*nhà vĩnh biệt*”

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nhà Lê

Từ triều (hậu) Lê, nhất là từ *Lê Thánh Tông* (1460-1497), ý thức hệ Nho giáo đã được chấp nhận là chính thống từ tổ chức chính trị và cách hành xử cá nhân. Công cuộc cải cách diễn tiến trong sự giằng co giữa bảo thủ và đổi thay của hai phe đối nghịch với đại diện là Lương Đăng và Nguyễn Trãi nhưng căn bản vẫn là "phông theo quy chế của nhà Minh" đương thời. Tổ chức học hành thi cử nhật nhiệm, thường xuyên hơn thời trước đã đem những nguyên tắc Nho đi vào tầng lớp dân chúng rộng rãi hơn.

Vợ goá của Nguyễn Văn Điều là tiết phụ được cấp bảng vàng (1456). Người ta truy tặng cả những nhân vật trong quá khứ: Lê Thị Liễu, vợ Túc vệ Lương Thiên Tích đời Hồ, có nhan sắc, goá chồng sớm, không con, ở vậy, được biểu dương (1437). Trong lúc đó thì Quốc tử giám sinh Lê Tử Dục dụ dỗ vợ cả, vợ lẽ của người khác liền bị xử chém. Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phi thông dâm với mẹ vợ, tuy bỏ tiền chuộc tội nhưng vẫn phải đi đày. Ngay đến công thần (1429) như Lê Thụ vẫn bị hặc tội (đầu 1435) "*đang có quốc tang lại lấy vợ lẽ... không theo lễ, phép*".

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Tranh dân gian

Bản khắc gỗ in kinh

Đồng thời sách vở để lại ghi: Thế kỷ thứ III, làng Yên Hòa có một thứ giấy gọi là "Mật hương chi". Năm 1295, Trần Anh Tông sai Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo sang nhà Nguyên xin kinh Đại Tạng. Thiền sư Pháp Loa, trụ trì chùa Quỳnh Lâm bắt tay vào việc khắc bản in. Mỗi trang sách là một bản gỗ, phải khắc lên *chữ trái* để khi in ra giấy bản là *chữ phải*. Vì có những bộ kinh lớn, bản gỗ lên tới 600.000 tấm, thời gian hoàn tất trên 20 năm. Với hàng trăm người khắc, hàng trăm người in, cho khoảng 1.400 chùa chiền.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Cái thúng

Quy chế lễ của Nho giáo rất gắt gao trong việc phân biệt giao tiếp trai, gái. Nam nữ không được ngồi lẫn lộn với nhau, *không treo quần áo cùng chỗ, không dùng chung khăn lược, không trao vật gì tận tay...* Nếu có trao, người nữ phải cầm *một cái thúng*, không có thúng thì hai bên ngồi xuống *đặt vật xuống đất* rồi mới nhận của nhau. (Kinh Lễ, Nguyễn Tôn Nhan trích dịch, Nxb. Văn học 1999, tr. 41, 135). Nguyên tắc "*trai gái không được chạm chung*" đã được đề ra trong "24 điều giáo huấn" của thời Hồng Đức. Chắc là bắt chước của Đại Việt nên vài thế kỉ sau đó.

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Tranh dân gian

Bản khắc gỗ



(những bản khắc gỗ hiện lưu trữ tại Nhật)

Các cụ trong làng kể lại: Hồi Pháp thuộc, người ở viện Bác Cổ thỉnh thoảng lại đánh xe ô tô về mua tranh, mua cả bản khắc tranh nữa. Nhà cụ Lữ có *bản khắc tranh gà* rất quý đưa đi đóng cửa chuồng gà, người Pháp phát hiện ra hỏi mua cụ bán liền. Nghĩ mà tiếc đứt ruột!

Tình dục trong làng vẫn xóm chữ

Vợ cả, vợ lẽ

Thánh Tông lại muốn vượn lễ giáo đến cả các dân tộc thiểu số nên sắc chỉ 1470 cũng nhắc đến việc trị tội những người Man lấy vợ cả, vợ lẽ của anh em đã chết rồi, cho là phạm đến luân thường đạo lí (như khi mắng chửi vua Chiêm) mà không biết rằng đó là tục lệ thường của họ. Và chắc Thánh Tông cũng không biết rằng ngay trên vùng quyền lực trực tiếp của ông, người dân cũng chỉ quan tâm đến một nửa của một trong 24 điều giáo huấn kia.

Chu Tử còn thấy ở gần quê ông, *phụ nữ vẫn tắm trường* và có lần cậu bé Chu Văn Bình (lén đi coi) đã *bắt quả tang ông thầy khả kính của mình cũng lẳng vẳng gần đó!*

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Tranh dân gian

Kẻ Bưởi

Ở Tây Hồ có phường Yên Thái làm giấy, phường Nghĩa Đô dệt lĩnh và phường Thụy Khê cất rượu.. Ba phường Yên Thái, phường Nghĩa Đô, phường Thụy Khê gọi gồm là *Kẻ Bưởi*.

Tuy nhiên nhắc đến Kẻ Bưởi hàm nghĩa phường làm giấy dính liền với chiều dày của dòng lịch sử kéo dài cả mấy trăm năm. Mỗi mảnh đất hình như có dòng sinh mệnh riêng nó. Làng Yên Thái bây giờ, giấy bồi, giấy hội đang đi vào buổi hoàng hôn. Chuyển qua làm nôi, làm đồng, vì vậy gần đây có câu "lệnh công chiêm Bưởi" là thế.

Tình dục trong làng vẫn xóm chữ

Lộn dâm

Lê Thánh Tông mắng chửi bọn man di mọi rợ nhưng cũng không ngờ con cháu mình lúc thất thế cũng lâm *vào vòng lộn dâm* như ai. Lê Thần Tông Duy Kỳ (1607-1662) là cháu ngoại Trịnh Tùng, cháu gọi Trịnh Tráng bằng cậu, thế mà phải chịu làm rể ông này, lại lấy bà vợ có 4 con của ông bác họ Lê Trừ bị Tráng giam trong ngục, hành động bị triều thần can ngăn, nhưng trước sự thế bị áp bức đành chỉ có thể ngậm ngùi than van! Chỉ vì họ Trịnh trong thế không thể cướp ngôi Lê thì để con cháu làm hoàng hậu, làm vua thay mình. Tính chất tương tranh của các dòng họ lớn đương thời khiến họ dùng nhân vật nữ làm thế kết giao, hòa hợp tạm thời, không kể gì đến lời thánh dạy. Nguyễn Hoàng khi về Nam (1600), đã để con cháu làm tin ở đất Bắc, thấy chưa đủ, bèn gả con gái cho Trịnh Tráng, nghĩa là *người ông-cậu trở thành cha vợ!* Loại incest vì nhu cầu chính trị như thế là chuyện thông thường của khắp nơi, không riêng gì Đại Việt.

Đầu năm mới (1501), Hiến Tông về Tây Kinh thăm quê cha đất tổ, ra lệnh cấm các quan không được mang theo *vợ con*, hay *đĩ*, để "bừa bãi tình dục".

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Thọ nhuộm

Lê Thánh Tông là một bậc anh quân (1460 - 1497), chẳng những sửa sang được nhiều việc chính trị quan trọng, đánh Lão Qua, dẹp Chiêm Thành, mà còn là người rất có tài về văn học,

và làm cực thịnh nền văn học nước nhà. Chính ông đã thành lập và làm Nguyên súy hội văn học “Tao đàn nhị thập bát tú”.

Ông là tác giả của nhiều tập thơ chữ Hán, chữ nôm và nhiều bài đề vịnh phong cảnh. Do rất quan tâm đời sống dân nghèo nên thơ văn ông thường gợi cảm tâm tư, tình cảm mình vào những đề tài rất mực tầm thường như *thằng mõ, thằng ăn mày, thằng bù nhìn, cái chổi, con cóc, cái nón* v.v.

Tương truyền tối ba mươi Tết, ông giả làm người học trò, kín đáo vi hành các nẻo đường phố ở kinh đô để dạo chơi và để rõ dân tình. Đến nhà một người thợ nhuộm, thấy không có dán câu đối, “người học trò” ấy bèn vào thăm hỏi, và viết cho một câu đối:

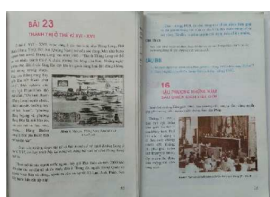
Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ,

Triều trung ngô tử tống ngô gia.

(Xanh, vàng thiên hạ đều tay tớ,

Đỏ, tía triều đình bởi cửa ta).

Sách sử thế này, học sinh hãi lịch sử là đúng



Sang lớp 5, tính hàn lâm của các bài học vẫn vậy. Chỉ có khoảng một nửa số bài là nói về các sự kiện lớn cần phải biết như “Mùa thu cách mạng”, “Điện Biên Phủ, pháo đài thực dân sụp đổ”, “Tiến vào Dinh Độc lập”,...

Còn lại là những bài học khô khan, học khó vào với trẻ 10 tuổi. Chẳng hạn như “Nguyễn Trường Tộ mong muốn canh tân đất nước”, “Xã hội

Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX”,...

Những bài học này, với học sinh lớp 4, lớp 5, quả là “nghe đã thấy oải”..Có những bài mà độ hàn lâm đáng kinh ngạc của sách sử. Đó là các bài “Văn học và khoa học thời Hậu Lê” ở Lịch sử 4 quá nặng kiến thức hàn lâm. Vì *đưa bé 9 tuổi* mà lại phải học để biết các tác phẩm, tác giả về văn học và khoa học thời Hậu Lê như:

“Quốc âm thi tập” của Nguyễn Trãi, “Ức Trai thi tập” của Nguyễn Trãi, thơ Nguyễn Mộng Tuân, thơ của Lý Tử Tấn, Nguyễn Húc, “Việt sử kí toàn thư” của Ngô Sĩ Liên...

Khi dạy đến bài 18 này, giáo viên vừa ngạc nhiên vừa buồn cười. Nhiều thầy cô bảo: “Đến *giáo viên còn chẳng hiểu* huống chi *học sinh dưới 10 tuổi*”.

(Tùng Sơn)

Chữ nghĩa lố mớ lơ mơ

Chúng tôi có trong tay cuốn sách “Giải nghĩa tục ngữ Việt Nam” của Nguyễn Cừ viết loạt bài “Dĩ hư truyền hư – Những sai lầm mang tính hệ thống trong từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam của GS Nguyễn Lâm” thấy một cuốn sách có quá nhiều “vấn đề”. Tác giả không phân biệt được thế nào là thành ngữ, thế nào là tục ngữ; là ngữ danh từ, quán ngữ; giảng sai thành ngữ, tục ngữ; chép sai văn bản, viết sai chính tả, v...v.,,

Xin dẫn chứng: Ngay phần “Lời giới thiệu”, tác giả viết:

-“...nhìn hình thức bề ngoài thì tục ngữ chỉ là những tập hợp từ có cấu trúc ngôn ngữ bền vững, chặt chẽ, được dùng như lời ăn tiếng nói giao tiếp hàng ngày, rất ngắn gọn, có vần điệu và nhịp điệu...” (đoạn 1).

- “Tục ngữ là biểu hiện của lời ăn tiếng nói, biểu hiện sự sử dụng ngôn từ, vốn từ vựng phong phú của tiếng Việt. Thông qua tục ngữ, tiếng Việt đã phát triển ở một trình độ cao, xứng đáng là ngôn ngữ của dân tộc Việt Nam” (đoạn 2).

Ở đây Nguyễn Cừ đã nhận lầm thành ngữ ra tục ngữ. Bởi *“những tập hợp từ có cấu trúc ngôn ngữ bền vững, chặt chẽ...”* là đặc điểm của *thành ngữ* chứ không phải *tục ngữ*.

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm

ác ôn 惡棍

Theo soạn giả ác nghĩa là bệnh dịch; và, ác ôn là kẻ hung dữ gây nhiều tội ác. Có thể chấp nhận định nghĩa như vậy về từ ác ôn, nhưng giảng giải rằng, 棍 là bệnh dịch thì sai nghiêm trọng. Bởi vì, từ mà chúng ta ngày nay gọi là ác ôn chính là *ác côn* 惡棍, do sự biến âm chút ít mà thành ra ác ôn. Chữ *côn* 棍 có nghĩa gốc là *cái gậy* và nghĩa rộng là *kẻ vô lại; nó có mặt trong các từ du côn, côn đồ*.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cổ 12

Vẽ rồng thêm mắt

Thành ngữ 画龙点睛 [Họa long điểm tinh] (Vẽ rồng điểm mắt) là câu thành ngữ bắt nguồn từ câu chuyện ly kỳ được truyền đời này qua đời khác của một danh họa thời nhà Lương mà trình độ vẽ đạt tới mức truyền thần...“Vẽ rồng điểm mắt” có xuất xứ từ cuốn “Lịch đại danh họa ký” (Ghi chép về những danh họa nổi tiếng trong các triều đại) do Trương Ngạn Viễn thời Đường soạn.

Trong tác phẩm ghi lại Trương Tăng Dao vẽ bốn con rồng trên bức tường của Kim Lăng An Lạc Tự, nhưng ông không vẽ mắt. Ông thường nói: “*Vẽ mắt rồng sẽ bay mất*”. Mọi người cho rằng lời nói của ông là hoang đường, vô căn cứ, nên thỉnh mời ông vẽ thêm mắt. Một lúc sau, sét đánh đổ tường, hai con rồng được vẽ thêm mắt cưỡi mây bay lên trời. Chỉ còn lại hai con rồng không vẽ mắt vẫn ở trên tường.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng "Họa long điểm tinh" để ví với việc *khi viết văn chương, phải đi sâu và làm sáng tỏ những điều then chốt nhất, khiến nội dung càng thêm phần sống động*.

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Vàm

Vàm : *cửa sông*
(Vàm Cỏ Đông, Vàm Cửa Tây)

(Từ điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ngôn ngữ

Nói năng là ngôn ngữ:
Tự mình nói là “*ngôn*”.
Đáp lại lời kẻ khác là “*ngữ*”.

Sách có câu “Ngôn nhất thuyết ký xuất, tứ mã nan truy” nghĩa là “một lời nói ra bốn con ngựa chạy theo không kịp”.

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Rốt: ở đằng sau chót
(*rốt* cục).

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Tiền chiến

Lâu nay người ta viết (nói), chẳng hạn, lớp văn nghệ sĩ *tiền chiến*; tái bản tác phẩm *tiền chiến* (như văn thơ của Tự lực văn đoàn, tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng...).

Tiền chiến = trước chiến tranh hẳn là nói: *trước cuộc chiến chống Pháp* (1945).

Dường như có những trường hợp không thoả đáng.

Nói Nguyễn Tuân, chẳng hạn, là nhà văn “tiền chiến” chắc là nghe xuôi. Về tác phẩm, chẳng hạn *Chùa Đàn*, truyện của Nguyễn Tuân, xuất bản giữa năm 1946. Rồi *Đèo Cả*, thơ của Hữu Loan; *Chiến sĩ Việt Nam*, ca khúc của Văn Cao; được sáng tác *sau 1945 có gọi là những tác phẩm tiền chiến không?*

Có vẻ như chỉ là cách gọi “cho tiện”, chẳng nên so đo làm gì.

(Khải Nguyên)

Tản Đà & Bò Tàng Linh

Tản Đà dịch “*Liêu Trai chí dị*” (1934) của Bò Tàng Linh, trong đề mục “*Tựa*” có bài thơ:

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi
Dàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời đã chán không buồn nhắc
Thơ thần nghe...ma kể mấy lời.

Người đọc cho là thơ của Tản Đà hay dịch nghĩa thơ của Bò Tàng Linh. Nhưng thật ra là của *Vương Ngự Dương*.

Nộp cheo

“Nộp cheo” chẳng hẳn là lát gạch cho làng, “cheo hay cheo làng” từ tiền qua hiện vật tùy theo quy định của mỗi làng, làng bắt *nộp mâm đồng, chén bát* để dùng cho hội làng. Có làng bắt *làm giếng nước, cổng làng*.

Tuy nhiên làng giàu có đường lát *gạch Bát Tràng* xuyên qua làng, làng nghèo đường đất mưa đi lồm bồm. Vì vậy ở Bắc Ninh có lệ con gái đi lấy chồng phải nộp cheo cho làng cả trăm viên *gạch vồ*.

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn

Các tác phẩm của thành viên Tự Lực Văn Đoàn được liệt kê dưới đây là trong khoảng thời gian từ 1933 đến 1940 (tuy có vài nhan sách xuất bản sau 1940 nhưng các tác phẩm này đã đến với độc giả trên *Phong Hóa*, Ngày Nay). Những sách xuất bản về sau không góp phần vào ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn.

Nhất Linh:

Truyện dài: *Nắng Thu* (1934), *Gánh Hàng Hoa* (viết chung với Khải Hưng-1934), *Đoạn Tuyệt* (1936), *Lạnh Lùng* (1937), *Đôi Bạn* (1938), *Bướm Trắng* (1939).

Truyện ngắn: *Đời Mưa Gió* (viết chung với Khải Hưng - 1934), *Tối Tăm* (1936), *Anh Phải Sống* (viết chung với Khải Hưng-1937), *Hai Buổi Chiều Vàng* (1937).

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Thơ ca hiện đại, hiện thực

Tiên học lễ hậu học... ăn
(Tiên học lễ hậu học văn 先學禮後學文)

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Điểm thu hút trung tâm là *các nhân vật tiểu thuyết*. So với truyền thống cổ điển như trường hợp *Tự Lực Văn Đoàn*, trong đó cốt truyện có thể xem là quan trọng bậc nhất, hoặc quan trọng ngang với nhân vật, thì văn chương mới hình như chỉ xem cốt truyện là cái cốt. Đọc “Tất đờn” của Ngô Tất Tố, người ta muốn biết số phận của chị Dậu sẽ ra sao. Đọc “Đoạn tuyệt” của Nhất Linh, người ta hỏi hớp xem cô Loan có được trắng án không, Loan và Dũng có gặp lại nhau không? Nhưng đến “Xóm cầu mới” thì Nhất Linh không gây cho ta cảm giác đó nữa, ông *cổ tình nhân nha kể chuyện, ngày này qua ngày khác, gió cứ thổi, nước lụt cứ dâng lên mấp mé bên thềm nhà*. Mặc, tôi chỉ muốn biết cô Mùi có cảm giác ra sao khi nằm ngủ trên chiếc giường của Siêu ở ngoài hiên tối, đắp tấm chăn mỏng, dưới trời mưa thưa, bên ngọn lửa nấu cháo khuya của hai người hãy còn liu riu đỏ?

Người đọc của Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Lệ Hằng không để ý lắm đến việc các nhân vật nam và nữ sau khi quen nhau thì sẽ làm gì, cuối cùng họ có lấy nhau không vân vân... mà chỉ quan tâm đến tâm trạng của nhân vật tức là diễn tiến bên trong của đời sống cá nhân. Có một điều quan trọng là chiến tranh càng khốc liệt, chết chóc ngày càng nhiều, đau khổ dân tộc ngày càng lớn, thì các nhà văn miền Nam ngày càng đi sâu vào thế giới nội tâm, như thể chỉ quan tâm đến chính họ. Các nhân vật đắm ra lãnh đạm với thời cuộc, có vẻ như không yêu người mà cũng chẳng yêu mình, chẳng tin tưởng vào điều gì, chẳng tha thiết đến điều gì.

Có người cho rằng đó là ảnh hưởng của *chủ nghĩa hiện sinh* và một phần của tiểu thuyết mới. Có người lên án rằng các nhà văn thời kỳ này có khuynh hướng quay lưng lại với số phận dân tộc, chui vào cái tháp ngà, ích kỷ, thoái hóa. Tôi cho rằng khuynh hướng tự truyện làm cho người đọc thường có cảm giác nhân vật và tác giả là một. Tôi cũng cho rằng các nhà văn miền Nam thời ấy sống thật với bản thân mình và đời sống xung quanh, mặc dù không phải là không có hiện tượng làm dáng trong văn chương hay thể hiện các tư tưởng triết học một cách hời hợt thời thượng, không phải là không có một khuynh hướng suy đồi.

(Nguyễn Đức Tùng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ



Lòng muốn hướng thiện nên mới ngồi thiền
Nhưng vì chưa thiện nên vẫn chỉ thiền

Dương Hùng Cường

Qua mấy người cùng phục vụ ở văn phòng Chiến Tranh Chính Trị với anh Dương Hùng Cường từ nhiều năm trước, cũng như qua lời anh kể, tôi biết anh đã có chiều dài mười mấy năm thâm niên quân vụ và là một ông thượng sĩ kỳ cựu, mãi rồi cũng mới lên chuẩn úy được ít lâu. Anh nhập ngũ vào Không quân năm 1953 từ hồi còn ngoài Bắc và thoát đầu tiên là ứng viên hoa tiêu, nhưng lúc sang Pháp học thì lại chuyển sang kỹ thuật rồi trở thành một chuyên viên Kiểm soát Không lưu. Trước khi chuyển về phòng Tâm Lý chiến / Bộ Tư lệnh Không quân hồi 1965, anh có thời gian phục vụ khá lâu tại phi trường Biên Hòa, với công việc

chuyên môn là ngồi trên *lầu gương* (đài Kiểm soát Không lưu) hướng dẫn các phi cơ lên xuống.

Để dàng nhận ra anh là một con người đầy cá tính, có vẻ hơi lè phè ngang ngang, như thể bất cần đời. Nói theo kiểu nhà binh thì dễ bị xếp vào loại ba gai, nhưng thật ra anh rất phóng khoáng đầy nghệ sĩ tính, ưa đùa tếu và châm chọc người này người kia.

Và dường như cũng chính các điều ấy đã đem đến cho anh nhiều bất lợi và phiền phức, cùng sự rắc rối trong binh nghiệp cũng như trong sinh hoạt báo chí, nhất là qua những bài viết hàng tuần của anh trên tờ Con Ong. Người quý mến anh thì nhiều mà người ghét anh dĩ nhiên cũng không phải là ít.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tụ)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Người đi một nửa hồn tôi mất!
Một nửa hồn kia...đứng chữi thề

Dương Hùng Cường, Trần Tam Tiệp

Khi anh Dương Hùng Cường được chuyển từ Biên Hòa về Phòng Tâm lý chiến Khối Chiến tranh Chính trị Bộ Tư lệnh Không quân, để góp phần hình thành ban biên tập trong vai trò phụ trách tòa soạn, là một trong những cây bút chủ lực tờ Lý Tưởng Không quân ngay buổi đầu, vào năm 1965 thời Trung tá Vũ Đức Vinh.

Cũng phải nói là nhờ có thêm sự giới thiệu gửi gắm từ các giới chức thẩm quyền Không quân. Anh Trần Tam Tiệp, lúc đó còn mang lon thiếu tá, đã lo liệu mọi chuyện trong việc này. Không những thế, ngay từ lúc nghe tin anh Dương Hùng Cường bị giữ tại an ninh Không quân, anh đã đồn đáo gõ cửa khắp nơi để dò hỏi và có thể làm tất cả những gì tốt nhất cho anh ấy.

Anh Trần Tam Tiệp là một sĩ quan kỳ cựu, xuất thân khóa 2 Nam Định rồi đi học Không quân bên Pháp và có mặt ở quân chủng từ những ngày đầu thành lập. Đã từng trải qua nhiều chức vụ chỉ huy tại khắp các đơn vị Không quân, kể cả bên ngành an ninh, nên uy tín cũng như mối giao thiệp của anh Trần Tam Tiệp rất rộng rãi. Nhờ vào sự tận tình giúp đỡ đó mà anh Dương Hùng Cường có được nhiều dễ dàng thuận lợi hơn trong thời đoạn khó khăn đã gặp phải sau này.

Là sĩ quan cấp tá, nhưng anh Trần Tam Tiệp thật xuề xòa bình dân đầy nghệ sĩ tính. Anh sinh hoạt văn chương báo chí và hơi kín tiếng vì khiêm hạ, nhưng là người luôn vui vẻ dễ sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người quen biết với tất cả tấm lòng và những gì có thể, nên ai cũng vô cùng quý mến anh.

Anh không nói kể gì nhiều nhưng tôi biết được kết quả tốt đẹp của nỗ lực tích cực vận động, gõ cửa mọi nơi chỗ của anh để nhờ can thiệp, giúp đỡ cho anh Dương Hùng Cường...

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tụ)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Nói lái trong tiếng Việt có tự nghìn xưa, phong phú và đa dạng. Đang nhậu tới bến mà được hỏi thì:

“ít lắm, chỉ mới lai rai *“ít ly”* thôi.

“ít ly” thôi nên hiểu là mới uống đúng... *“y một lít”*.

Vậy là...ít lắm!

Trần Tam Tiệp - 1

Khi được về vào cuối tháng Giêng năm 1981, tôi và anh Dương Hùng Cường gặp lại nhau. Ngay lần đầu tiên, sau lúc hàn huyên gặp gỡ, anh nói với tôi rằng anh Trần Tam Tiệp đã nhắn tìm tôi và ghi cho tôi địa chỉ để sớm thư từ liên lạc. Anh ấy tham gia sinh hoạt báo chí bên Paris và hiện đang là Tổng thư ký Văn bút Việt Nam hải ngoại.

Với anh Trần Tam Tiệp thì thời gian ở Không quân rồi quen biết anh, tôi như một đứa em thực sự và rất gần gũi anh, nhất là từ sau vụ việc của anh Dương Hùng Cường năm 1972. Thời gian thân quen nhau, nhiều buổi tối, tôi vẫn hay ghé thăm anh tại căn nhà nhỏ anh ở thuê bên hông nhà thờ Tân Sa Châu. Rồi thường xuyên hơn từ dạo 1974, khi anh dọn về trong con hẻm dọc theo đường rầy xe lửa phía bên kia đường Nguyễn Huỳnh Đức, cũng gần khu cổng xe lửa số 6 nhà tôi.

Thời gian này, ngoài việc vẫn cộng tác với tập san Lý Tưởng Không quân, qua bút hiệu **Đạo Củ**, anh có viết phiếm luận và bài cho tờ Báo Đen của người bạn là Bồ Đại Kỳ và do anh chị Trần Dạ Từ & Nhã Ca trực tiếp phụ trách(...)
Ngoài ra, anh cũng bắt đầu khởi công việc thực hiện quyển Quân sử Không quân mà anh vừa được giao phó. Nhiều buổi tối, tôi đến phụ giúp anh sắp soạn và phân loại các tài liệu, hình ảnh đã có sẵn về từng nhân vật, con người Không quân cũng như các đơn vị và sinh hoạt từ những ngày phiêu thai hình thành quân chủng. Thế rồi cái ngày 30 tháng Tư năm ấy...

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Chán đời cắt tóc đi tu.
Nghĩ đi nghĩ nghĩ lại... đi tù sướng hơn.
Trong tù làm chủ giang sơn,
Một căn phòng đá với dăm ba thằng.
Thằng nào cũng có khiếu năng,
Thằng thì giỏi hoạ thằng thì làm thơ.
Có thằng lại đứng ngẩn ngơ.
Vì sao ta lại trở vô nhà tù??

Trần Tam Tiệp - 2

Khoảng hơn hai tháng sau lần gặp đầu tiên, anh Dương Hùng Cường tìm tôi và nhắc về việc gửi thư cho anh Trần Tam Tiệp. Anh đang nóng lòng mong tin thư vì biết tôi đã được về. Rất thật lòng, tôi vẫn do dự và ngần ngại mãi trong việc thư từ ra ngoại quốc, dù rằng cho một người thân quen như anh Trần Tam Tiệp, kể cả với anh chị em trong gia đình. Đây là điều tự nhiên dễ hiểu đối với một người vừa rời khỏi trại tù cải tạo, vì sợ rằng sẽ tạo cho người nhận một ý nghĩ gọi nhắc xa gần đến sự giúp đỡ gì đó.

Kể từ đó, tôi đã gửi sang anh một số bài vở của tôi cũng như của vài thân hữu. Và cứ cách một vài tháng, tôi nhận được gói quà 2 pounds thuốc tây mà tôi biết là có được ở khoản bớt ra từ lương tháng của anh, đã giúp tôi giải quyết được phần nào khó khăn cuộc sống cho gia đình khi ấy.

Thỉnh thoảng tôi còn được đọc vài loại báo chí hải ngoại do anh gửi về qua cô Nguyễn Thị Nhạn (tờ Kháng chiến, Nhân chứng ở Hoa Kỳ, Nhất Việt, Nhân Bản ở Pháp...).

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Thơ ca hiện đại, hiện thực

Một thời để yêu và một đời để trả nợ
(Một thời để yêu và một thời để nhớ)

Đã có một thời...

Ông Mặc Thu xin

Có lần con ông Mặc Thu lên thăm bố. Mang theo thức ăn và cả đồ nhắm cùng rượu ngon cho bố. Ông Mặc Thu cao hứng đánh chén tì tì. Đến khi vào trại, đi xiêu vẹo, chân nam đá chân chiêu, mồm sặc mùi rượu. Tay trưởng trại, ở ngay phòng trực trước cổng trại, gọi ông Mặc Thu vào. Lúc đó Mặc Thu còn sặc mùi rượu, nói năng lè nhè lung tung nên buổi chiều bị nhốt ngay vào nhà lao, cùm hai chân.

Cái nhà lao bằng tranh nhỏ xíu nằm gần phía sau trại chỉ có một lối nhỏ dẫn vào. Hằng ngày mấy tay gọi là “thi đua” trong trại phải mang cơm đưa vào cái cửa ô cửa nhỏ, đồng thời lấy cái xô vệ sinh của anh tù ra ngoài mang đi đổ. Tôi phải nói mãi với tay thi đua để mang thêm cho ông ấy ít cơm và thức ăn. Vài ngày sau ông Mặc Thu được thả, bởi thật sự nếu để ông ấy nằm trong nhà lao cái kiểu ấy, có thể chết bất cứ lúc nào.

Từ đó đó mỗi lần bọn cán bộ trại có tổ chức đám cưới, liên hoan, lễ Tết thường bắt mấy anh tù có tài vật đến trang trí hội trường. Tôi lại lôi ông Mặc Thu lên ngồi vẽ, cắt dán đủ thứ. Được cái ông này rất có tài vẽ vời và cắt dán khiến mấy anh “cán” rất mê. Từ đó ông dễ thở hơn rất nhiều. Cho đến khi được thả, tôi thường đến thăm ông Mặc Thu. Khi ra tù, những năm sau này, ông bà Mặc Thu đã được con gái lớn bảo lãnh sang Mỹ theo diện đoàn tụ. Nhưng ông bà đông con, một số con cháu không thể cùng đi. Vậy là cả ông lẫn bà đã trở lại Sài Gòn trong những ngày cuối đời. Khi ông sắp mất, ông nhất định bắt con trai gọi tôi đến. Khi gặp ông, lúc đó có lẽ ông biết chắc sắp ra đi nên nắm tay tôi bù ngùi nói lời từ biệt: “Không thể quên cậu và anh em trong tù được”.

Và quả nhiên đêm hôm đó ông ra đi mãi mãi.

(Tết trong trại tù cùng bạn bè – Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Học cho lắm, tấm hồng có quần thay.

Học cho hay, tấm thay hoài cái quần cũ.

160 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Trở lại chuyện Người con gái Sơn Tây, theo nhạc sỹ Phạm Duy bạn học của Quang Dũng ở trường Thăng Long Hà Nội kể lại, lúc Quang Dũng còn là đại đội trưởng trung đoàn Tây Tiến đóng quân ở Hoà Bình. Vừa được nghỉ phép, về thăm gia đình ở Phùng thuộc tỉnh Sơn Tây, anh tạt qua nơi có tên là kinh Đào ở gần chợ Đại, thăm *người tình cũ tên là Nhật*.

Người tình này, còn có một mỹ danh nữa là *Akimi*, nàng có hàng cà phê trong vùng kháng chiến mà ông thường hay ghé uống. Nàng chính là người đẹp Sơn Tây, nguồn cảm hứng dạt dào cho Quang Dũng viết bài *Đôi mắt người Sơn Tây*...

Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm

Em đã bao ngày em nhớ thương

Akimi Nhật sống cùng mẹ, trong cái quán nước đơn sơ này, nhà thơ thường hay lui tới, có lần Quang Dũng sáng tác ngay một bài thơ ca ngợi nàng và dán lên vách nữa:

Tóc như mây cuốn, mắt như thuyền

Khuấy nước kênh đào sóng nổi lên

Ý nhị mẹ cười sau nếp áo

Non sông cùng đắm giấc mơ tiên...

(đây là bài thơ mới phát hiện sau này do bà Nhật, hiện ở Dallas, Hoa Kỳ cung cấp)

Có lần Phạm Duy cùng Quang Dũng đi xe đạp về chợ Neo, hai người chạy song song trên đường làng..Thi sĩ kể về mối tình của mình với người đẹp Akimi và đọc lên bài thơ tặng nàng:

Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai

Sông kia từng lớp lớp mưa dài

Mắt kia em có sầu cô quạnh

Khi gió heo về một sớm mai

Sau này, chiến tranh lan rộng, Akimi theo mẹ về thành bỏ lại người xưa...tan vỡ một mối tình....Tới 1954, nàng di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn, một thời là kiều nữ của nhà hàng Tự Do, đến 1975 sang Mỹ định cư (Dallas). Nàng đi để lại cho Quang Dũng một nỗi nhớ ơ hờ chỉ biết:

Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buồng hờn tủi
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào...

(Đôi mắt người Sơn Tây – nàng là ai? – Nguyễn Duyên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chấp tay lạy cụ tình yêu.
Cho con lấy được nàng Kiều ngày nay.
Cụ nhìn trợn mắt cau mày.
Không đưa hối lộ thì đây đểch ừ .

Đường văn ngô chữ

Nhà văn hay khóc



Khi nhiều tác phẩm của ông được độc giả tìm đọc, ông trở thành nhà văn nổi tiếng, mà ông vẫn là thầy giáo Nguyễn Hồng sống, viết và dạy học ở Hải Phòng. Sau đó ít lâu, ông thôi dạy học để hành nghề viết Văn chuyên nghiệp. Ông cũng như nhiều nhà văn, khi ông được hâm mộ thì quan hệ của ông càng rộng, có nhiều bè bạn và trà dư tửu hậu.

Nhưng, khác với các nhà văn khác là người ta thấy Nguyễn Hồng ở chỗ ông hay... khóc. Ông khóc rất... thật, khóc nức nở, như có gì thương cảm, đau đớn lắm. Có khi ông *khóc từ đầu bữa rượu đến tàn bữa rượu*. Anh em say rượu, ngủ lằn ngủ lóc trên chiếu rượu, khi tỉnh dậy *vẫn thấy Nguyễn Hồng ngồi khóc*. Có bữa, anh em dự tiệc xong về hết, ông vẫn ngồi khóc một mình, mặc người gia đình gọi. Ấy là khi ông nghe tin bạn bè bị nạn, nhất là bạn hữu văn nghệ sĩ, nhà báo làm sao, tai nạn, tai họa gia đình có sự buồn, hoặc ai nhắc đến nhân vật trong tác phẩm của ông về số phận, hoàn cảnh, nhất là gặp cảnh không hay, chẳng may...

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Này cô con gái nhà ai.
Cớ sao dám hái hoa nhài nhà tôi.
Hái rồi thì hãy ...lấy thôi.
Còn chưa hái được để tôi...hái dùm.

Đường văn ngô chữ

Nhà thơ rất hà tiện



Ai cũng bảo nhà thơ Xuân Diệu quá tiết kiệm thành hà tiện. Quả là vậy. Một hôm, ông mời 2 bạn thơ nổi tiếng đến nhà chơi. Họ mãi nghe ông nói về thơ, để điều thuốc lá cháy, mãi không hút tiếp, ông liền kêu: “Chết! Nghe thì nghe, nhưng vừa nghe vừa hút, để thuốc cháy không thể kia, phí quá! Hút đi”.

Xuân Diệu rất tiết kiệm thời gian. Ông hẹn ai đến vào giờ nào, phải đến thật đúng giờ, không được chậm, dù chậm 1 phút. Xuân Diệu vạch lịch làm việc, tiếp khách hàng ngày, và đều thực hiện rất đúng lịch, từng giờ, từng phút. Đã tiếp người này, thì không tiếp ai khác. Ông thường

viết thông báo treo trước cửa nhà, ví như: “Chiều nay, Diệu chỉ tiếp Kha và Tạo. Khi khác nhé”. Và ông đều thực hiện đúng lịch và thời gian 100%.

Chinh phụ ngâm bị khảo



Chinh phụ ngâm bị khảo là một tác phẩm nghiên cứu văn học công phu và có giá trị của học giả Hoàng Xuân Hãn.

Tác phẩm này được học giả hoàn thành vào năm 1952 và như ông khẳng định muốn chứng minh “bản dịch Chinh phụ ngâm hiện lưu hành rộng rãi ở nước ta” không phải do Đoàn Thị Điểm dịch mà do một danh sĩ đời Lê mạt và đời Nguyễn Tây Sơn là Phan Huy Ích diễn nôm: “Theo tục truyền, rồi theo các sách giáo khoa, chúng ta đã yên trí áng văn ấy là của Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Thế mà sự thật lại khác. Tác giả bài văn nôm nổi tiếng kia là Phan Huy Ích...”

“Mục đích của quyển sách này là chứng rõ sự ấy, để chữa một điều lầm trong lịch sử văn chương nước ta”.

Công việc “bị khảo” của học giả đã tiến hành như thế nào và lập luận của ông đã căn cứ vào bằng chứng nào để kết luận bản Chinh phụ ngâm hiện ta có trong tay là do Phan Huy Ích dịch? Trước hết chúng ta nhắc lại, cho đến nay, trong học đường, ngoài dân chúng, đều cho rằng bản diễn nôm *Chinh phụ ngâm* mà chúng ta có trong tay là do Đoàn Thị Điểm điểm xuyết.

Niềm tin này có căn cứ kể từ ấn bản *Chinh phụ ngâm đời Thành Thái (1902)*, *bản dẫn giải của Nguyễn Đỗ Mục (1929)*, *bản dùng trong học đường của Lê Thuộc, Vũ Đình Liên ở ngoài Bắc (1957)* và *bản của Giáo sư Tôn Thất Lương (1950) ở trong Nam*.

Ngoài ra, trong các bộ văn học sử từ *Nữ lưu văn học sử* của Lê Dư, *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử trích yếu* của Nghiêm Toản cho tới *Việt Nam Văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ đều xác nhận bản dịch *Chinh phụ ngâm lưu hành rộng rãi là của Đoàn Thị Điểm*.

(Chinh phụ ngâm bị khảo – Hoàng Yến Lưu)

Chữ là nghĩa

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.
Nếu mà anh phải lấy nàng,
Anh thà thất cổ cho nàng ở không.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Gái

Tổ chức cung ứng tình dục đã phát triển rất đa tạp ở mẫu hình Trung Quốc của Đại Việt vào thời Tống, Nguyên, Minh - cùng lúc với Lê. Đất Hàng Châu nổi danh của Tống có các *hoa thất*, ở cấp bậc thấp nhất, dành cho lính tráng và cả dân nghèo tìm vui. "Gái" ở đây là chiến lợi phẩm từ nước bại trận, là vợ con tù phạm.

Ở cấp bậc giữa là *tửu gia*, dành cho quan, nơi có "cơ vui suốt sáng trận cười thâm đêm" với gái đẹp, rượu ngon chuốc trong chén bạc, với cao lương mỹ vị, thấp đèn màu, phát sinh ra từ ngữ thanh/hồng lâu để thêm cho Mỹ tập hợp "red light district" khi theo lưu dân tìm vàng ở San Francisco vào cuối thế kỉ XIX.

Ở cấp bậc cao nhất cho quý quan, văn nghệ sĩ là một loạt tên: *ca thất*, *ca kỹ thất*, *trà gia*, mà khách làng chơi khi mới bước qua cửa đã phải bỏ vài quan tiền ra mắt với "chén trà tìm hoa", rồi lên lầu tốn thêm vài quan với chung rượu, để thấy mặt người đẹp dành cho chọn lựa, rồi cơm rượu, rồi ca múa, mỗi tiết mục trải qua là tiền tung "trăm nghìn đổ một trận cười như

không". Cô Kiều than "thanh lâu hai lượt" nhưng chắc lần đầu đã ở đây gặp Thúc Sinh, sau mới hạ giá "mắt xanh" với Từ Hải ở thanh lâu thực sự.

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Chửi đời

Nguyễn Du lúc còn trẻ, "lang bang" đi chọc ghẹo gái, cũng đã từng văng tục :

- Phụt ngọn đèn trước mặt, **đếch** sự đời! Chẳng phải đưa tiểu tâm.

Nguyễn Công Trứ buông lời chửi rửa :

- Tám vạn tư mặc kệ, không quân thần phục tử, **đếch** ra người.

Cao Bá Quát bất mãn với triều đình Tự Đức, quay sang chửi đời :

- Tưởng đến khi vinh hiển đã an tường

Song nghĩ lại trần ai không **đếch** chỗ. (*Tài tử đa cùng phú*)

(Nguyễn Du)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Kỹ nữ

Đò sông Hương không phải đợi tới thực dân Pháp mới có, vì các bài Nam bình, Nam ai đi theo các câu hò mái đậy, tuy không chứng cứ về thời điểm nhưng rõ ràng là xuất hiện từ rất lâu. Nguyễn Du đã thường thức tiếng đàn của người kỹ nữ thành Thăng Long, **cùng với đám quân tướng Tây Sơn (sic)** chắc là há hốc mồm theo với tiếng nhạc lời ca. Sao lại có thể nghĩ rằng "cầm giã" này chỉ hát làm vui cho tác giả Truyện Kiều mà lúc khác không làm việc như người kỹ nữ bên Tầm Dương xưa kia?

Người của Nho gia này không giã từ Thánh Khổng một thời gian lâu dài thì hẳn không biết đến "Nước vô lựu, máu mào gà", không thể viết những câu như: "Rõ ràng trong ngọc trắng ngà, Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên" được. Thi sĩ ngấm nghĩa, trầm trồ rồi câu thơ vụt ra như một thứ orgasme qua thi tứ, một thứ khoái trá được giải thoát của kẻ phải chịu ép mình trong kềm thúc lâu ngày.

Trước ông một chút, nho sĩ võ biên Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều tả cảnh ân ái "Bóng dương lồng bóng đèn mi chập chùng", theo cách nói khác với của bình dân "Gặp thẳng vua phải gió nó đè em cung nữ ra". Ở những nơi có các "Hồng Hồng, Tuyết Tuyết mới ngày nào còn chưa biết cái chi chi" vừa cho thấy một tình trạng mại dâm trẻ em về phía chủ chứa, mà cũng tỏ rõ khuynh hướng ưa thích trẻ em ở các nhà nho đi tìm thú vui ngoài văn thơ.

Chính từ nơi này cũng nảy ra thảm cảnh gia đình như của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, hay với trường hợp Thủ tướng tương lai Trần Trọng Kim vì đi hát ả đào chung với người thân Nhật bị Pháp vây bắt (Dương Bá Trạc - dẫn chứng từ Hoàng Văn Chí).

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Câu đố dân gian

Mình tròn đưng cháo bột huỳnh tinh,
Gái xoan làm bạn với mình đẹp ra;
Bao giờ tuổi tác về già,
Cây đa bóng mát ngồi mà nghĩ ngợi
(bình vôi)

Chửi mang âm hưởng "toán học"

“Bố mày là A, mẹ mày là B, bà cho vào “ngọc” bà “*khai căn*” cả họ nhà mày. Bà rửa mày ăn miếng rau mày ói ra miếng thịt, mày tắm trong ao mày chết chìm trong chậu. Bà “khai căn” cả họ nhà mày xong rồi, bà “*tích phân n bậc*”, bà bắt cả hang, cá hóc, ông cụ, ông nội, cả tổ tiên nhà mày ra mà “*đạo hàm n lần*”.

Ái chà chà! Mày tưởng nuốt được con gà nhà bà là mày có thể yên ổn chơi trò “cộng trừ âm dương” trên giường với nhau à. Bà là trị cho “tuyệt đối” hết cả họ chín đời nhà mày, cho chúng mày biết thế nào là “*vô nghiệm*”, cho chúng mày không sinh, không đẻ, không duy trì được nòi giống nữa thì thôi. Bà sẽ nguyên rửa cho chúng mày đời đời chìm đắm trong “*âm vô cùng*”, sẽ gặp tai ương đến “*dương vô tận*”, cho chúng mày chết rục trong địa ngục, cho chúng mày trượt đến “maximum” của sự “*vô hạn*” tối tăm...”

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Lộ

Ông vua Lê bên mình vua đã có Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ, "người rất đẹp, văn chương rất hay... ngày đêm hầu bên cạnh", ba năm sau (1442) sẽ gây nên cái chết của ông vua 19 tuổi. Sử quan ghi gọn ghẽ mà nhiều ý: "*Vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ* rồi băng." Sử quan thế kỉ XIX, lại vẫn thói quen che đậy quân vương, tuyệt đối tránh nói chuyện tính dục, nên chuyển qua việc Thái Tông "mắc chứng *sốt rét* (?!)".

Thị Lộ vào hầu, chẳng để vua làm phiền (!) gì nhưng vẫn bị tội thỉ quân, gây vạ cho ông chồng già Nguyễn Trãi. Tự Đức gạt bỏ danh hiệu "người hiền" thiên hạ gán cho Nguyễn Trãi vì "Trãi nếu là người hiền thì sớm liệu rút lui, ẩn náu tung tích... (trái lại) thả lỏng cho vợ làm việc hoang dâm, vô liêm sỉ... (nên) cái vạ tru di cũng là do Trãi chuốc lấy."

Ông vua không-thể-có-con này chắc không chú ý đến một chi tiết khác của Toàn thư: "Tháng 9 ngày 9, giết bọn hoạn quan Đinh Phúc, Đinh Thắng vì *khi Nguyễn Trãi sắp bị hành hình*, có nói là *hỏi không nghe lời của Thắng và Phúc*."

Với sự kiện này, theo ý Tự Đức, Nguyễn Trãi còn tệ hơn là không phải "hiền giả" nữa. Nhưng hãy xét theo tính cách một mưu thần nổi danh, của Nguyễn Trãi, người thấy được tình thế đương thời.

(Giống dục và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Hát cung văn

Nguồn gốc ra đời

Hát *cung văn*, hát *chầu văn*, mỗi tên gọi chỉ sự phát triển ngôn ngữ dân gian đi với hình thức trình diễn. Hát cung văn xuất phát, ra đời từ sự sáng tạo những bài cúng của *thầy cúng*. Họ là những ông cung văn, hành nghề đi cúng trong dân gian.

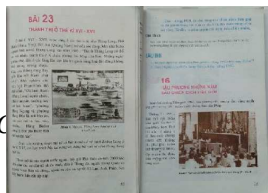


Thầy cúng, ra đời từ nhu cầu tâm linh, một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần người Việt. Thầy cúng xuất hiện ở các bộ lạc, bộ tộc còn tín ngưỡng vạn vật, thờ đa thần.

Thầy cúng đọc *những bài khấn thần linh bằng thơ lục bát, cách đọc mang tính hát nói*, lúc đầu cầu cúng thần linh, thần thánh, một thế giới vô hình, cầu mong con người bình yên, tai qua, nạn khỏi, được mùa, chăn nuôi gia súc đầy nhà...Thầy cúng, cúng ngoài đình, đền, miếu, tại gia tiên.

(Tuấn Giang)

Sách sử thế này, học sinh hãi lịch sử là đúng



Những bài học khiến các em hãi sử.

Sách sử thiếu hệ thống do có những bài như... trên giới rơi xuống!

Bỗng dừng lại dạy “Chiến thắng Chi Lăng”. Sự kiện sau tiếp nối sự kiện trước. Có thể học sinh mới hiểu. Thế nhưng sách lịch sử lớp 4 thật lạ, dùng cái học bài “Chiến thắng Chi Lăng”.

Trước bài “Chiến thắng Chi Lăng” là bài “Nước ta cuối thời Trần”.

Đáng lẽ phải dạy cho học sinh biết về việc *Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đã, thì mới có chiến thắng ở Chi Lăng*. Nhưng không, các nhà soạn sách cứ nghĩ học sinh như là mình vậy...

Chỉ có vài dòng chữ nhỏ chú thích sơ lược thế là cứ dạy.

Và bài “Chiến thắng Chi Lăng” như trên... giời rơi xuống.

(Tùng Sơn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm

châu ly

Đó là nơi đặt cơ quan hành chính của một châu. Đúng thế. Nhưng soạn giả giải thích rằng, *ly là đến nhậm chức*. Thật là sai lầm, bởi vì âm ly ở đây vốn là *trị* 治 nhưng do bị đọc chệch đi rồi trở thành thói quen, nay người ta thường gọi là *ly*. Nơi đặt cơ quan hành chính được gọi là *trị sở* 治所, hoặc gọi là trị 治, nhưng thường quen gọi là *ly sở* hoặc *ly*. Châu ly, huyện ly, quận ly, tỉnh ly vốn là châu trị, huyện trị, quận trị, tỉnh trị.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Thành ngữ tục ngữ sai

Về hình thức: tục ngữ là *một câu, dù ngắn đến đâu cũng diễn tả một ý trọn vẹn*; thành ngữ *chưa phải là một câu* mà chỉ là *một phần câu, một tập hợp từ* bền vững.

Về nội dung: tục ngữ là kinh nghiệm, tri thức được diễn đạt theo lối *khẳng định, tổng kết* quy luật, chân lý của sự vật, hiện tượng tự nhiên, còn thành ngữ mới chỉ *dừng ở mức độ ví von, nhận xét, diễn đạt một cách hình ảnh về sự vật, hiện tượng* nào đó.

Bởi vậy, *trong tục ngữ có thành ngữ*, nhưng *trong thành ngữ không có tục ngữ*. Nói cách khác nếu thành ngữ giống như cái túi áo trên ngực áo, thì tục ngữ là cả cái áo. Cái túi áo chỉ làm phong phú thêm chức năng và góp phần tô điểm cho cái áo chứ không phải là chính cái áo. Ví dụ, trong câu tục ngữ: “*Gái phải hơi trai như thài lài gặp cứt chó*”, thì “*như thài lài gặp cứt chó*” là thành ngữ nằm trong tục ngữ. Hoặc “*Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ*”, “*như kiến thấy mỡ*” là thành ngữ; “*Rẻ như bèo nhiều heo cũng hết*”, “*rẻ như bèo*” là thành ngữ.

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

ruổi: chạy mau (rong *ruổi*)

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Họ Hồng Bàng

Chữ “hồng” ghép bởi hai chữ “giang” là “*sông nước*” và “điều” là *chim*. “Bàng” là *lớn*. Hồng bàng là loại chim nước lớn.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Một biến thể khác của chửi mạt gà ở miền Trung

Tổ cha nó
Cái thằng ăn cắp
Nó bắt con gà vàng khoan cổ
Con gà nỏ khoan lông
Nó nấu nồi đồng
Nó nấu nồi đất,
Nó ăn lật đật
Nó trật xương quai
Nó lòi bản họng
Mà nó cứ tọng vô mồm
Cái mồm thối mồm tha
Mồm ma mồm quỷ
Mồm đĩ mồm chó
Tổ cha nó

Bạn vong niên

Câu này bị hiểu lầm là bạn thâm căn cố đế, tức “bạn lâu đời”.

Nhưng chữ “vong” đây nghĩa là *quên*. “Bạn vong niên” chơi với nhau hiểu là “bạn bè chơi với nhau không kể tuổi tác, lớn bé. Hãy *quên* đi tuổi tác của nhau”.

(Duy Lý – báo Tự Do)

Tiền chiến

Nói cho công bằng, không định kiến, thì *cái mốc “1945”* đánh dấu những chuyển biến, những thay đổi (*sâu xa hay bề ngoài, lâu dài hay tạm thời, toàn bộ hay một phần, ...*) về tinh thần, về ý thức, về nếp sống, về các mối quan hệ, ... theo cái hướng “đổi đời”. Những chuyển biến, thay đổi ấy về sau phát triển hoặc biến dạng, tốt hay xấu, thì cũng không thể vì thế mà tùy tiện di dời “*cái mốc lịch sử*” kiểu như di dời cột mốc biên giới mà ông “bạn” láng giềng “vĩ đại” của nước ta vẫn làm!

Được biết cái từ “tiền chiến” vốn phổ biến ở miền Nam trước 1975 thường dùng để chỉ những văn nghệ sĩ và các tác phẩm văn nghệ từng có mặt trước *cái mốc lịch sử đất nước năm 1945*. Như vậy nên dùng từ “tiền chiến” hay là thay bằng từ khác.

(Khải Nguyên)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

Chúng tôi tiếp tục dẫn ra những ví dụ sai chính tả của cuốn “Từ điển chính tả tiếng Việt” GS-TS Hà Quang Năng chủ biên - ThS Hà Thị Quế Hương; Đại học Quốc gia Hà Nội).

“Táng: táng gia bại sản”

Viết đúng là “*tán gia*”. Vì “tán” 散 là từ gốc Hán, có nghĩa *tiêu tan, mạt mạt*. Tán gia bại sản 散家敗產 = gia đình tan nát, tài sản tiêu tan (Dị bản gốc Hán: khuynh gia bại sản - 傾家敗產).

(Hòang Tuấn Công)

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn



Khái Hưng:

Truyện dài: *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), *Nửa Chừng Xuân* (1934), *Gánh Hàng Hoa* (viết chung với Nhất Linh-1934), *Trống Mái* (1936), *Gia Đình* (1938), *Thừa Tự* (1940), *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* (1940), *Thoát Ly* (1940), *Hạnh* (1940), *Những Ngày Vui* (1941), *Đẹp* (1941) *Thanh Đức* (hay *Tội Lỗi*, *Bản Khoản* -1942), *Cái Ve* (1944).

Truyện ngắn: *Đời Mưa Gió* (viết chung với Nhất Linh - 1934), *Giọc Đường Gió Bụi* (1936), *Anh Phải Sống* (viết chung với Nhất Linh-1937), *Tiếng Suối Reo* (1937), *Đợi Chờ* (1939), *Cái Ấm Đất* (1940), *Đội Mũ Lếch* (1941).

Kịch: *Tục Lụy* (1937), *Cốc Tía* (1940), *Đồng Bệnh* (1942).

Loại Sách Hồng: *Ông Đồ Bể*, *Quyển Sách Ước*, *Cây Tre Trăm Đốt*, *Bông Cúc Huyền*.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Ôm rơm rặm bụng,
Ăn vụng nhàn thân.

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Chẳng qua đó là hiện tượng thường gặp trên đường tìm kiếm tiếng nói của riêng mình, của thời đại mình. Francoise Sagan sinh năm 1935. Cuốn “Bonjour Tristesse” được viết 1954. Dương Nghiễm Mậu sinh năm 1936, Túy Hồng sinh năm 1937, Nguyễn Thị Thụy Vũ sinh năm 1937...vậy thời đó họ là những thanh niên cùng lứa tuổi. Khi không thể lý giải được cuộc xung đột, khi thấy mình bất lực trước lịch sử, khi nhà văn bất mãn với xã hội mà mình đang sống, nhưng anh ta cũng không có cách nào vượt ra khỏi xã hội đó, thì anh ta trở nên lãnh đạm, bất cần, xa lánh các thứ lý tưởng vốn đã phản bội niềm tin của mình, nổi loạn, phá phách, chống lại về tư tưởng và chối bỏ chính tâm hồn mình.

Như thế, đó là một khía cạnh của quá trình đi xuống, một tâm trạng chán nản, bi quan, bất lực, nhưng mặt khác nó cũng bộc lộ sự phản kháng của người viết, tiếng kêu của lương tâm và ý thức, sự phản ánh các xung đột trên các bậc thang giá trị. Tôi nghĩ điều này cũng có tính lặp lại đối với thanh niên và trí thức Việt Nam.

Đối với người viết truyện ngắn và tiểu thuyết, giới thiệu nhân vật là việc quan trọng. Các truyện cổ điển mô tả nhân vật bằng các hình thức bên ngoài như vẻ mặt, dáng đi, quần áo, và tiểu sử, thân thế, hoàn cảnh. *Các truyện mới hơn nhấn mạnh đến cốt cách, hành động, hành vi của nhân vật*. Các truyện mới thậm chí bỏ qua cả những hành động bên ngoài, đọc họ thì biết là họ ăn nhưng không biết ăn gì, biết họ làm tình nhưng không biết làm tình như thế nào, biết một nhân vật chết nhưng không biết người ấy chết ra sao. Như thế, tiểu thuyết ngày càng đi sâu vào nội tâm hay ngày càng đi xa ra khỏi đời sống? Thành công hay thất bại?

Mặc dù phong trào giải phóng phụ nữ và chủ nghĩa nữ quyền có vẻ không phát triển ồn ào vào thời ấy, sự xuất hiện đồng loạt các *cây bút nữ* như Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Lệ Hằng, Trần Thị Ngh... khoảng từ giữa những năm 1960 có một ý nghĩa đặc biệt. Tác phẩm của các nhà văn này vừa là tiếng nói phản ứng với những hoàn cảnh cá nhân, vừa là sự lên tiếng về các vấn đề xã hội và chiến tranh. Với tinh tế, bằng ngôn ngữ riêng của phụ nữ, họ cực tả trong những trang tiểu thuyết nóng hổi các khúc quanh tâm lý của cá nhân trong thời bình lửa. Chiến tranh là sự mất mát lớn nhất: người mẹ mất con, người vợ mất chồng tìm thấy khuôn mặt của họ dưới ngòi bút của các nhà văn nữ.

(Nguyễn Đức Tùng)

Câu đố dân gian

Khi xưa em đỗ hồng hồng,
Em đi lấy chồng, em bỏ quê cha.
Ngày sau tuổi hạc về già,
Quê chồng em bỏ, quê cha lại về
(cái nôi)

(con đường sinh thành - huỷ diệt của...cái nôi)

Trần Tam Tiệp

Trần Tam Tiệp sinh ngày 11-11-1928, tốt nghiệp khoá 2 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, tu nghiệp sĩ quan phi hành tại Pháp, phục vụ trong binh chủng Không quân VNCH với cấp bậc trung tá. Năm 1994, trong một tai nạn, ông bị chấn thương não, sức khoẻ suy yếu dần, phải đi chuyên bằng xe lăn. Ông tạ thế ngày 23-12-2009 tại Clinique Geoffroy Saint Hilaire, 59 Rue geoffroy Saint Hilaire tại Paris, hưởng thọ 81 tuổi.

Ông viết dưới bút hiệu Đạo Cù, ông là một trong những chủ biên tập san Lý Tưởng của Không quân. Sau tháng 4 năm 1975 ông cùng với một số nhà văn định cư tại Pháp (Minh Đức Hoài, Trinh, Nguyễn Sa Trần Bích Lan) thành lập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, liên lạc cộng tác và được Văn Bút Quốc Tế chính thức nhìn nhận. Ông là Chủ Tịch Văn Bút Quốc Tế (thời bấy giờ) Thomas Von Vegesack đặc biệt quý trọng ông vì những cống hiến không mệt mỏi của ông trong việc kêu gọi quốc tế tranh đấu bảo vệ các nhà văn miền Nam bị cộng sản bắt giam không xét xử. Nhờ sự vận động bền bỉ của ông, tổ chức Văn Bút Quốc Tế đã dành cho các nhà văn, nhà báo Việt Nam bị cộng sản cầm tù nhiều trợ giúp ý nghĩa hoặc can thiệp bảo trợ. Trong nhiều năm liền, ông lặng lẽ chuyển tiền về giúp đỡ cho những nhà văn còn kẹt lại trong nước.

Chữ nghĩa hiện đại, hiện thực

Sống đơn giản cho đời thanh thản.

Đã có một thời...

Ăn Tết trên chiếu rách

Đúng là không thể quên. Một buổi chiều cuối năm 1986, trại tù tổ chức cho trại viên trình diễn văn nghệ, họ giao cho tôi tổ chức ban hợp ca. Tôi lôi tuốt mấy ông văn nghệ sĩ vào ban văn nghệ. Thảo Trường khỏi “đi rừng”, ngồi ở buồng viết kịch. Một bạn tù trong đội thợ mộc tự chế được một cây violon. Ông Nguyễn Sĩ Tế được tặng cây violon cò cộ này, mang kéo cho ban nhạc. Trần Dạ Từ biến thành nhạc trưởng bắt đắc dĩ, lo bắt giọng cầm nhịp. Ông Mặc Thu râu dài đóng vai đạo diễn. Trưởng trại tù sau đó mang ra phê phán “toàn những ông trốn việc quan đi ở chùa. Nhạc sĩ gì mà chơi đàn cò củ, hát cứ như làm hề”. Tôi biết lão ta nói đúng nhưng vẫn cãi cối rằng anh em như thế là làm hết sức rồi, nên thương mới đúng chứ. Đề nghị được mấy tay đội trưởng vỗ tay tán thành. Thế là cả ban nhạc được nghỉ thêm vài ngày sau Tết.

Tết đó, tôi để dành phần quà thăm nuôi của tôi để làm bữa cơm “thịnh soạn” mời tất cả mấy anh em lên ăn trưa, có cả *rượu trắng* đàng hoàng. Buổi họp mặt đông đủ chẳng thiếu ông nào. Địa điểm tôi nhờ chỗ bên bệnh xá vắng người. Bàn tiệc là chiếc *chiếu rách trải trên chiếc giường tre*. Vậy mà chén chú chén anh, đầu hót cũng xôm trò. Khi tàn tiệc, *ông Mặc Thu lại lão đảo đi ngật ngưỡng giữa trưa nắng trong sân trại*. Cũng may tên lính gác trại tù nhìn thấy nhưng ngày Tết nó tha, không nói gì. Hôm sau nó vào gặp tôi kể công về cái sự “nhân từ” đó, tôi đành phải đi xin một con gà cho nó mới yên. Vào thời đó ông nào cũng trên 10 năm tù rồi nên không khí bớt ngọt ngào hơn. Cho đến tháng 9 năm 1987 chúng tôi mới được tha về. Thảo Trường phải nằm lại trong tù *thêm mấy năm nữa cho đủ 17 năm*.

(Tết trong trại tù cùng bạn bè – Văn Quang)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Học làm chi, thi làm gì .
Tú Xương cũng rớt, huống chi là mình.

Đường văn nghệ chữ

Tô Hoài mắt ti hí, mắt như thế là tinh quái - 1

Tôi để ý đến cặp mắt của Tô Hoài: *nhỏ, dài và hẹp*. Gọi là *mắt ti hí*. *Mắt như thế là tinh quái lắm*. Cái gì cũng biết, không gì qua mắt được. Phạm Tiến Duật khi nói thì đúng là khua môi múa mép, ông gọi Phạm Tiến Duật là... *thằng lái trâu*. Còn Chế Lan Viên thì ông gọi là *thằng "nặc nô"* của đảng. Ông phát hiện Huy Cận ngày nào cũng ra trụ sở Hội Liên hiệp chỉ cốt được ăn *một bát phở miễn phí*. Huy Cận rất tham, đi đâu cũng cầm cấp. Tô Hoài kể chuyện, một lần ông và Nguyễn Ngọc tình cờ gặp Huy Cận ở sân bay quốc tế Mạc Tư Khoa. Tự nhiên Cận lân la đến vỗ vai nói chuyện thân mật với Nguyễn Ngọc. Tô Hoài vội bấm Nguyễn Ngọc lảng đi: *"Này nó sắp gạ ông xách đồ cho nó đấy!"*. Quả nhiên, sau đấy Huy Cận hai tay xách hai cái cặp nặng, lại buộc giầy kéo một cái thùng giầy lệt xệt đằng sau.

Đấy, gặp Tô Hoài một hai buổi là biết đủ mọi thứ chuyện linh tinh như thế. Nhận xét văn của người khác, Tô Hoài cũng thường phát hiện rất tinh những nhược điểm. Thí dụ, *văn Anh Đức là thứ văn cải lương*, có lúc viết anh hùng là "hùng anh". Nguyễn Khải xây dựng nhân vật theo lối ghi chép rất sáng tạo, nhưng văn Nguyễn Khải vậy mà *chưa thoát được lối biền ngẫu*. Nguyễn Đình Thi là anh sinh viên, rất xa đời sống, nên mắt không chọc thủng được tờ giấy để nhìn vào hiện thực. *Thơ Bùi Giáng*, theo ông cũng là *một thứ thơ Bút Tre*. Thơ Hoàng Cầm thì là thứ vàng mã trang kim. Một thứ thơ trang sức hoa lá cành, sơn son, giát vàng, thực chất không có gì. Lưu Trọng Lư giờ hết thời rồi. Tài năng cũng chỉ có một thời thôi. *Thơ Huy Cận và thơ Tố Hữu giờ chỉ còn là thơ thù tạc*. Vậy mà Huy Cận cứ tuyên bố: *"Chưa bao giờ tôi sáng tác dồi dào như bây giờ"*... Tô Hoài đọc cây bút trẻ. Ông cho bọn này Bọn trẻ nói chung rất kiêu ngạo. Nguyễn Huy Thiệp *giỏi viết cái ác*. Phạm Thị Hoài rất trí thức, đồng thời lại muốn dân dã.

Một điều lạ là Tô Hoài biết cả những chuyện đời tư, rất riêng tư, thậm chí cả những chuyện thầm kín của người ta một cách rất cụ thể. Biết có ngành có ngọn, nói ra vanh vách. Ông nói, do phụ trách đảng uỷ văn nghệ nên biết nhiều chuyện, nhất là *qua những đợt kiểm tra đảng*.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Chữ nghĩa làng văn...hàng xóm

Nhân vô tiểu kiểm hựu khai điểm
(Mặt không tươi, đừng mở quán)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Đường văn nghệ chữ

Tô Hoài mắt ti hí, mắt như thế là tinh quái - 2

Chế Lan Viên trước cách mạng, có thời gian dạy học ở Đà Nẵng. Có một nữ sinh tên là Giáo rất mê. Giáo nhà giàu, gia đình không cho lấy Chế Lan Viên. Cô cứ đến ở với Chế Lan Viên, mãi đến cách mạng tháng Tám mới cưới. Hoà bình lập lại ở miền Bắc, hai vợ chồng sống ở Hà Nội. Chế Lan Viên ốm, phải sang chữa ở Trung Quốc. Giáo ngoại tình với một tay làm mi báo tên là Quang. Chế Lan Viên chữa bệnh về, biết chuyện nhưng định bỏ qua. Hai vợ chồng

đêm nằm đắp chung chăn, nói chuyện. Giáo nói, cái đầu của em thì thuộc về anh, nhưng thân mình em thì thuộc về Quang. Vậy là họ không trở lại với nhau được. Sau Chế Lan Viên lấy Vũ Thị Thường, quê Thái Bình, đã quá lứa lỡ thì. Thường xui Chế vào Sài Gòn ở, một là Thường có bà con di cư ở trong ấy, hai là vì vợ cũ của Chế hay đến bám quấy nhiễu, xin tiền...

Đúng là chẳng có chuyện gì đâu ông được. Ông biết cả chuyện Lưu Trọng Lư túng tiền, ăn cắp xe đạp của Chế Lan Viên bán. Còn Trần Huyền Trân thì sờ dĩ bị khai trừ, *vì lấy vợ nghệ sĩ*, hai vợ chồng cứ dặt nhau đi lang thang biểu diễn, không sinh hoạt đảng. Lê Văn Trương thuộc thế hệ đàn anh của ông, nhưng ông có đến nhà. Ông rất sợ, vì trên bàn Lê Văn Trương có bày hai cái đầu lâu. *Lê Văn Trương, Đinh Hùng thích chơi đầu lâu*. Lê Văn Trương tiêu sài rất hoang vì viết khỏe, có tiền. Tô Hoài không thích văn Lê Văn Trương nhưng thích nhân vật người hùng của Lê Văn Trương.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Học cho lăm cũng ăn mắm với cà.
Học tà tà cũng ăn cà với mắm.
Học cho lăm cũng đi tắm cõi trường .
Học luôn luôn cũng cõi trường đi tắm.

161 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Trước hết, ta hãy thử nhận diện Tản Đà qua một bức chân dung được Vũ Bằng vẽ với ít nhiều nét hí họa: “Tóc ông cắt ngắn kiểu ăng-bốt nửa muối nửa tiêu, không để râu, *nói là nhè mà lại hơi cà lăm*, không gầy mà cũng không mập quá, mới trông thì có vẻ khỏe mạnh, cổ ngắn, mắt hơi ngàu đục. Đặc biệt nhất trong khuôn mặt ông là *cái mũi dẹt, to, trông như một quả cà-tô-mát chưa chín hẳn* mà ai đã nghịch ngợm cắm vào giữa hai má khá đầy, trên một cặp môi đỏ mà hơi mỏng so với mặt” (Tản Đà uống rượu làm cho tôi say đến bây giờ - Văn học, 1970).

Vũ Bằng sùng bái Tản Đà đến nỗi: “Chiều nào, bất cứ bận việc gì, tôi cũng tà tà đi đến trước cửa nhà Thăng Long dán mũi vào cửa kính nhìn vào trong để xem ông Tản Đà vừa quạt cái hỏa lò con *đế trên giường* vừa nhắm rượu một mình. Tôi sợ ông như một ông tiên...”. Mà không chỉ Vũ Bằng, ngay cả một con người có tiếng cương cường như Phan Khôi cũng bị “ngợp” trước Tản Đà ở lần đầu tiên gặp mặt. Đó là vào năm 1918, trên căn gác của báo Nam Phong, khi được nghe giới thiệu người khách mới tới chơi là Nguyễn Khắc Hiếu, Phan Khôi lập tức: “Như có điện chạy trong người, vùng đứng dậy! Thật thế. Cái tên Nguyễn Khắc Hiếu bấy giờ đối với tôi lại càng long trọng lắm. Tôi nghe mà *rùng rợn lên*, có thể thật” (Tôi với Tản Đà thi sĩ - Tao Đàn, 1939).

Lưu Trọng Lư thú nhận: “Gặp Tản Đà một bận thì thật là một điều khoái trá vô cùng, gặp ông ấy lần thứ hai thì vẫn còn là một cái vui thích đã bắt đầu gượng gạo, và gặp đến lần thứ ba thì là một điều khó chịu. Và lần thứ tư, thứ năm, v.v... thì xin thú thực là *một... tai nạn*” (Bây giờ đây, khi nắp quan tài đã đầy lại - Tao Đàn, 1939).

Vũ Bằng còn nói kĩ hơn về chuyện này: “Người như Tản Đà để ở xa mà kính trọng cảm phục thì được, chứ ở gần thì không thể nào chịu nổi!... Bất cứ ở đâu ông cũng coi như chỗ không người, ăn uống bữa bãi, nói là nhè àm ỉ, có khi đương yên lành chẳng làm sao bỗng đổi ra giọng gay gắt với người đối thoại, tuồng như ông chính là đấng trịch tiên thật, thiên hạ ai cũng phải sợ ông...”. Phan Khôi là một cực: “Cái lối đánh chén của ông Hiếu kể cả mắt thì giờ lắm, tôi không chịu được, nên ít khi tôi ngồi trọn bữa rượu với ông. Ông đem hỏa lò để ở bàn mà tự làm lấy món ăn, có khi mãn một tiệc ăn người nhà phải thay than trong hỏa lò đến năm sáu bận. Ông cho có thể mới là thú” (Tôi với Tản Đà thi sĩ).

(“Tài” và “tật” của Tản Đà - Hoài Nam)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Vạn sự khởi đầu nan,
Gian nan bắt đầu nản.

Chinh phụ ngâm bị khảo

Từ khi nào mới có dư luận bản dịch Chinh phụ ngâm thông dụng là do Phan Huy Ích dịch? Câu chuyện xảy ra vào năm 1926, khi *một tay bình bút của tờ Nam Phong là học giả Nguyễn Hữu Tiến nhận được một lá thư của một hậu duệ Phan Huy Ích là Phan Huy Chiêm*. Ông Chiêm khẳng định bản dịch Chinh phụ ngâm mà ngày nay truyền tụng là do ông tổ năm đời của mình dịch và người sau ngộ nhận Đoàn Thị Điểm là dịch giả. Tuy nhiên, dù được Nguyễn Hữu Tiến bênh vực, giả thuyết chưa thuyết phục được phần đông giới nghiên cứu văn học vì chứng cứ ông Chiêm đưa ra không đầy đủ (*không đưa ra bản dịch Chinh phụ ngâm, bản chữ Nôm, coi như gia bảo nhà họ Phan*).

Câu chuyện rơi dần vào quên lãng cho tới khi Hoàng Xuân Hãn xuất bản bộ "*bị khảo*" (*khảo cứu đầy đủ*) để chứng minh bản dịch Chinh phụ ngâm chúng ta có trong tay do Phan Huy Ích là tác giả. Để làm công việc này, học giả đã dày công sưu tầm tài liệu, nhất là các bản chữ Nôm và hành trạng, tác phẩm của tác giả Chinh phụ ngâm và các dịch giả kiệt tác này. Trước hết, ông trình bày qua cuộc đời của cây bút học rộng, tài hoa nhưng vắn số Đặng Trần Côn (sinh và mất vào khoảng 1715-1750), mối giao thiệp của họ Đặng với bà Đoàn Thị Điểm. Ông cũng giới thiệu giá trị của tác phẩm Chinh phụ ngâm do Đặng Trần Côn sáng tác.

Theo giáo sư, tác phẩm được hình thành vào khoảng 1741-1742, trong giai đoạn loạn lạc ở ngoài Bắc khi chúa Trịnh Giang cầm quyền (đầu đời Lê Cảnh Hưng). Tác phẩm viết bằng chữ Hán gồm 477 vế, theo thể nhạc phủ. Chinh phụ ngâm của họ Đặng ra đời được giới văn sĩ và nho gia đón nhận nồng nhiệt và phổ biến tới cả Lưỡng Quảng của Trung quốc. Người thưởng thức đông, thì kẻ tài hoa cảm thông với ngâm khúc cũng không thiếu và trong giới văn mực thời ấy có nhiều người dịch Chinh phụ ngâm từ chữ Hán ra quốc âm nghĩa là ra chữ Nôm như Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Ích và có lẽ cả Nguyễn Khản (anh của Nguyễn Du).

Chính Phan Huy Ích đã nhìn nhận trong một bài thơ sau khi dịch Chinh phụ ngâm:

Nhân mục tiên sinh chinh phụ ngâm
Cao tình dật điệu bá tử lâm
Cận lai khoái trá tương truyền tụng
Đa hữu thô sao vi diễn âm
Vật luật hạt cùng văn mạch túy
Thiên chương tư hướng nhạc thanh tầm
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc
Tự tín suy minh tác giả tâm

(Chinh phụ ngâm bị khảo – Hoàng Yến Lưu)

Giai thoại xóm chữ làng văn

Tứ đại tuyệt

Từ chuyện thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, chúa Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong với giai thoại: "Tứ đại tuyệt tự", nôm là *nhà Nguyễn chỉ kéo dài chỉ bốn đời thôi* là hết.

Sau khi vào đến Thuận Hóa, chúa Tiên không biết đất "Tả thanh long, hữu bạch hổ" nằm ở đâu. Ngay tối hôm ấy, nhà chúa nằm mơ thấy một bà lão tóc bạc phơ, hiện về và dạy rằng: Đất này có thể "*Nhất hổ trục quân dương - Tiên vi tướng, hậu vi vương*" nếu muốn mạng đế vương được truyền từ đời đời kế thế thì phải dựng chùa thờ... Bà Trời (chùa Thiên Mụ).

Sau có nhà biên khảo dẫn giải vì Tự Đức tuyệt tự, nên nhà Nguyễn chấm dứt, ứng vào câu truyền khẩu dân gian "Tam đại phát đế vương - Tứ đại tuyệt". Nhà biên khảo còn đưa thêm

giai thoại...sấm ký của cụ Trang Trình “Phụ nguyên chính thống hần hoi – Tin dê lại phải mắc mồi đàn dê”. Ý nói chính thống nhà Nguyễn Gia Long là hoàng tử Cảnh nhờ trợ giúp của người Tây qua Bá Đa Lộc để diệt nhà Tây Sơn. Nhưng nhà Nguyễn cũng sẽ mất vào tay thằng Tây. Vì chữ “dê” chữ Hán là “dương”. Dương đây chỉ người Tây phương như dương lịch.

Vì Tự Đức tức giận câu sấm của cụ Trang:“Gia Long tam đại - Vĩnh Lạc vi vương”. Diễn nghĩa là chẳng phải truyền tử tôn đời đời kế thế như Bà Trời dầy mà theo cụ Trang Trình chỉ kéo dài 3 đời là hết. Vì Tự Đức không phải giòng giống nhà Nguyễn, mà là con của Quận Quế người Vĩnh Lạc. Ông Võ Hương An ghi chép câu truyền khẩu dân gian, từ một ông đồ thâm nào đấy:

Nhất đại tầm thường,
Nhị đại phát văn chương,
Tam đại phát đế vương,
Tứ đại tuyệt

Diễn nghĩa: Nhất đại tầm thường là Gia Long. Nhị đại phát văn chương là Minh Mạng. Tam đại phát đế vương là Thiệu Trị. *Tứ đại tuyệt là Tự Đức.*

Sách sử thế này, học sinh hã lịch sử là đúng

Không được học việc giặc Pháp xâm lược, lại học ngay “*Bình Tây đại nguyên soái*” kể về việc Trương Định quyết tâm đánh giặc Pháp tự nhiên đứng chình ình ở trang đầu sách lịch sử lớp 5. Học sinh cứ “vẹt” ra là ông Trương Định đang lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa nào đó thì bị triều đình gọi về. Nhưng ông không về mà ở lại đánh Pháp.

Đáng lẽ ra, sách phải có một bài về việc giặc Pháp nổi sừng xâm lược nước ta để học sinh hiểu bối cảnh nước nhà. Sau đó mới dạy đến *khởi nghĩa Gò Công của Trương Định* mới hợp lí. Nhưng không, sách dạy ngay *Bình Tây đại nguyên soái* ...

(Tùng Sơn)

Giai thoại xóm chữ làng văn

Sấm ký nhà Tây Sơn - 1

Theo Thái Văn Kiểm Trong gia “Sấm ký nhà Tây Sơn”:

Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn hết số thời thôi
Cha nhỏ đầu con nhỏ chân
Đến năm Nhâm Tuất thì chân chẳng còn

Với *Đầu cha lấy làm chân con - Mười bốn năm tròn hết số thời thôi*, chiết tự chữ Hán: Trên chữ đầu chữ Quang (Trung) và dưới chữ Cảnh (Thịnh) có chữ “tiểu” có nghĩa là “nhỏ bé, ngắn ngủi” (đoạn mệnh). Còn *Đến năm Nhâm Tuất thì chân chẳng còn* thì ứng vào triều đại Tây Sơn, kể từ khi dấy nghiệp (1789) cho tới khi diệt vong năm Nhâm Tuất (1802), được chia ra hai đời vua: Nhạc-Huệ-Lữ và Quang Toản (Cảnh Thịnh), cộng được 14 năm.

Trong số người bị bắt buộc phải di dân ở Nghệ An có ông tổ 4 đời của Nguyễn Huệ, vốn họ Hồ. Như thế họ Hồ có thể cùng họ với Hồ Quý Ly. Vì con là Hồ Hán Thương (1400-1407) trải qua nhiều biến cố của lịch sử, con cháu của Hán Thương đã lánh nạn vào đây. Ngoài ra, Hồ Quý Ly tự xưng là hậu duệ của vua Đường Ngu ở bên Tàu, nên đặt tên nước Nam là Đại Ngu. Những người họ Hồ ấy, do lệnh của chúa Nguyễn Hoàng di dân vào Bình Định có Hồ Phi Phúc. Ông này lấy vợ tên *Nguyễn (1)* Thị Đồng, người xã Phù Lạc, gần trang trại Tây Sơn, thuộc Bình Định. Hồ Phi Phúc vì nhớ quê cha đất tổ ở Nghệ An, nên đặt tên cho ba người con với 3 ngọn núi của xứ sông Hồng núi Lam: Đại Nhạc, Đại Huệ và Lữ Sơn. Ông đặt tên 3 (2) con theo họ vợ là: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ.

(1) Hồ Phi Phúc về quê vợ Phú Lạc gần trang trại Tây Sơn thuộc huyện Tây Sơn, ở dưới đèo An Khê, có sông Côn (Bình Định), và Tây Sơn Hạ Đạo. Gần đây có bến Trường Trầu, là nơi Biện Nhạc (Nguyễn Nhạc) vừa làm biện lại lo việc tuần tiễu, vừa buôn trầu xuôi ngược trên dòng sông Côn. (Chú thích của Nguyễn Gia Kiểng theo nguồn: Sử gia Phan Huy Lê)

(2) Dựa vào Nguyễn Duy Chính nhà Tây Sơn có 4 anh em trai: Nguyễn Quang Hoa (mất sớm, có con là Nguyễn Quang Hiến), Nguyễn Quang Nhạc, Nguyễn Quang Bình (tức Nguyễn Huệ), và Nguyễn Quang Thái (tức Nguyễn Lữ).

(Thân thế và công nghiệp nhà Tây Sơn – Thái Văn Kiểm)

Luận văn về lịch sử

Đề: Em hãy kể lại câu truyện "Thánh Gióng".

Ngày xưa ngày xưa, đất nước ta sinh ra được một cậu bé Thánh Gióng trông rất là quái nhân vì đã 3 tuổi mà vẫn không biết nói biết cười.

Đột nhiên một hôm giặc tới, Thánh Gióng nhảy tót lên mình ngựa, sau khi đã *ăn một bữa cơm khùng với hàng thúng cà muối mặn mà không khát nước*. Thánh Gióng đánh giặc xong không biết đường về nhà vì *chưa ra khỏi nhà lần nào*. Thánh Gióng *không biết đi đâu về đâu nên đành phải bay lên trời*.

Giai thoại xóm chữ làng văn

Sám ký nhà Tây Sơn - 2

Năm 1789, khi tặng áo (1) Càn Long có thơ trong đó có câu: “Phát di Nam bang y dĩ quan”, có nghĩa là mũ áo không khác gì nước Nam. Mãi về sau những nhà chiết tự đoán ra thâm ý của Càn Long dùng thơ nhắc khéo vua nước Nam khỏi phải cống người vàng tử trận Chi Lăng (1427) đời Lê đã giết Liễu Thăng. Chưa nói chi tới việc nước Nam gửi vua giả (Nguyễn Quang Hiến 1789 và Phạm Công Trị 1790). Vua Tàu tưởng thật, nên tặng nhiều tặng phẩm cho vua ta *trong đó có bức tranh truyền thần*.

(1) Khi vào làm lễ chúc thọ xong, vua Càn Long đặc biệt ân thưởng “kim hoàng mãng bào” cho vua Quang Trung có thể thêu rồng năm móng. Vì là tước thân vương ông được ban cho đai màu kim hoàng, khoác áo ngắn màu vàng (hoàng mã quải)
(Nguồn: Nguyễn Duy Chính)

Theo học giả Thái Văn Kiểm: Năm 1789, *sứ giả nhà Thanh sang trao sắc phong (2) cho Nguyễn Huệ*. Vua Càn Long tặng vua Quang Trung cái áo bào thêu kim tuyến 7 chữ: “Xa tâm chiết trực đa điền thử”. Với cái chết bất ngờ của vua Quang Trung, quần thần cho là Càn Long đầu độc Nguyễn Huệ qua *cái áo bào có tẩm thuốc độc*. Sau này nhà chiết tự tìm ra ý nghĩa thâm sâu của 7 chữ: “Xa là xe, tâm là lòng, ghép lại trên dưới là chữ Huệ. Chiết trực là xe bị gãy trực. Đa điền thử là ruộng nhiều chuột. Ý rằng Nguyễn Huệ chết trong năm chuột, Nhâm Tý 1792 (3) vì Nguyễn Huệ gửi người làm vua giả sang yết kiến Càn Long, vua Tàu tưởng thật tiếp đón trọng thể.

(2) Vua Quang Trung được Càn Long ban áo bào nhân dịp vua Quang Trung sang Tàu dự lễ Bát tuần đại khánh.

(3) Theo *Tây Sơn thực lục*, *Lê Quý dật sử*, và Phan Huy Ích trong bài thơ “Thu phụng quốc tang cảm thuật” đều ghi *ngày 19-9 năm Nhâm Tuất 1792* là ngày mất của vua Quang Trung.

(Thân thế và công nghiệp nhà Tây Sơn – Thái Văn Kiểm)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Vàng trắng ai xẻ làm đôi .
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Đêm qua anh ngủ trên giường.
Nhớ em tỉnh giấc, lọt giường gãy xương.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Bệnh phong thũng

Vua Lê Thánh Tông bị thương không phải vì chinh chiến. Đánh Chiêm Thành khai hoàn, vua thấy có mẹ, con đón rước, "thay áo, lên thuyền rồi về hành điện" lành lặn. Mùa đông, tháng 11. (1496), "vua không khoẻ", còn gượng làm thơ khoe rằng "Dù Lý (Bạch), Đỗ (Phủ), Âu (Dương Tu), Tô (Đông Pha) sống lại vị tất đã làm nổi, chỉ có Ta làm được". Thế mà chỉ hơn hai tháng sau, vua ốm nặng một ngày rồi băng, "gương thần, ấn thần đều biến mất", chỉ còn lại bài thơ và mối hoài nghi người sau không dám nói.

Thái tử lên ngôi, cho biết vua cha bị bệnh phong thũng. "Phong thũng" theo cách hiểu thông thường, và của cả y sinh ngày xưa, là chỉ hiện trạng bệnh lở loét, cùi hủi. Vua không bị chiến thương như đã nói, mà sử quan lại có lời mào đầu là vua mắc bệnh nặng "vì nhiều phi tần quá", vậy thì vua đã mắc "bệnh xã hội". Vua bị lở loét ở chỗ đó, hay khắp mình mẩy *vì giang mai* ở thời kỳ cuối?

Cổ Ai Cập đã biết đến bệnh giang mai. Trung Quốc chậm hơn, mãi đến thế kỷ VII, VIII mới bắt đầu biết vài căn "bệnh xã hội" là do giao hợp mà ra. Đầu thế kỷ XVI, y học Minh nhận ra bệnh giang mai và cảnh giác dân chúng về việc giao hợp với gái làng chơi (Reay Tannahill, tr. 193). Y giới Tây phương trước khi biết đến loại kháng sinh, đã chữa bệnh giang mai bằng hợp chất arsenic, y giới Đông cũng chữa bằng thạch tín (arsenic). Thái Y viện đời Lê đã dùng vị mã tiền có thạch tín chữa cho Thánh Tông chăng? Vì thế mới có ghi nhận Trường Lạc Hoàng hậu bôi "thuốc độc" (thạch tín) cho vua?

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Nhà thổ

Vua Lý Nhân Tông (1079) cho phóng thích 221 quan, dân người Tàu trong cuộc nhà Tống xâm lăng nước ta bị bắt trong cuộc giao tranh với Lý Thường Kiệt.

Trước khi phóng thích, vua cho thích vào trán và cánh tay:

- Con trai: Thiên tử binh.
 - Con gái: Quan khách.
- (*quan khách* là *nhà thổ*)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Bệnh giang mai từ tù binh Chăm

Vấn đề đặt ra là Thánh Tông mắc bệnh (có thể là *giang mai* từ đâu? Ông vua không cần đi ra ngoài dân gian tìm thú vui, mà bắt con gái vào cung cho mình hưởng. Mĩ nữ các quan chọn cho vua hẳn phải lành lặn, "tinh khiết". Có *một nguồn cung cấp gái phức tạp hơn: các tù binh*, chắc chắn hiện diện nhiều, *là tù binh Chăm*.

Trong lúc đó thì sự giao tiếp với vùng hải đảo, với bên ngoài của Chiêm Thành có liên hệ từ rất xưa trong khối chung văn hoá Ấn, rồi Hồi Giáo. Thủy thủ vẫn là *tác nhân chuyển giang mai của mọi thời đại, nơi chốn*. Tất nhiên nữ tù binh Chăm của Lê Thánh Tông cũng không phải là thứ đứng-đường, nhưng trong biến động nước mất nhà tan, sao khỏi có người sa sẩy trong buồng thả? - và vẫn còn sắc đẹp cho ông vua chú ý tới. Người đẹp lại là tác nhân thu hút bệnh nhiều hơn người xấu. Lớp tù binh Chăm 1471 hai năm sau khi Thánh Tông mất (1497) còn được thấy "thân vương" Lê ưa chuộng thì trong thời gian còn sống, sao không có người lọt

vào mắt xanh ông vua? Thời gian từ sau 1471 đến khi ông mất là đủ dài cho sự ủ bệnh và phát triển đến độ "lở lói" cuối cùng, đưa ông vua sáng giá nhất Đại Việt về nơi yên nghỉ.

(Giống đực và giống cái trong triều đình – Tạ Chí Đại Trường)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Thu đi để lại lá vàng ,
Anh đi để lại cho nàng thằng cu.
Mùa thu nối tiếp mùa thu ,
Thằng cu nối tiếp thằng cu ra đời.

Thành ngữ tục ngữ

Cái tôm chạt gì bể
Cái (con) tôm có chạt gì sông, cái lông có chạt gì lỗ

Lời khiêm tốn của người khi xin gia nhập vào nhóm. .

(Nguyễn Dư)

Hát cung văn

Hát cung văn ra đời từ ý thức của dân, người đầu tiên được dân suy tụng trong hát văn theo tục thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn. Sau gọi là hát: Châu thánh là nghi lễ hát thờ đức Thánh Trần. Người dân tôn thờ Trần Hưng Đạo, vì ông có công đánh giặc, giữ nước, mang lại cuộc sống mới hưng thịnh, no ấm. Đến đây, có thể khẳng định hát châu văn ra đời sau năm 1300, có lệ thức nghi lễ múa hát, diễn kể công đức Thánh Trần.

Hát châu văn ra đời từ đây mang tính nghi lễ thờ cúng, ra đời một hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian. Đó là quá trình phát triển *hát cung văn từ tín ngưỡng dân gian, tục thờ Thánh Mẫu* có tính huyền thoại, hoang đường kỳ bí. Tục thờ người thật, việc thật, gọi là thánh nhân, người hiền thánh.

(Tuấn Giang)

Thành ngữ tục ngữ sai

Chúng tôi đã chỉ ra một số sai lầm của Nguyễn Cừ trong “Giải nghĩa tục ngữ Việt nam” như: nhận lầm thành ngữ ra tục ngữ, không phân biệt được ngữ danh từ, cụm từ đơn thuần, quán ngữ với thành ngữ, tục ngữ, v.v. Một khi chưa hiểu tục ngữ là gì, việc Nguyễn Cừ thất bại trong “giải nghĩa tục ngữ Việt Nam..

Nắng đan đó, mưa gió đan gàu
Kinh nghiệm của người dân, nắng đan đó đi đặt bắt cá, còn mưa gió đan gàu tát nước.

Giải thích vậy không rõ nghĩa. Thậm chí sai nghĩa, bởi trời nắng đơm đó ở đâu được? Còn đã có mưa việc gì phải tát nước nữa?

Tục ngữ có câu: “*Nắng lấm mưa nhiều*”. Bởi vậy lúc *nắng, nên chuẩn bị đan đó để khi đổ mưa lớn có thể đem đơm cá ngay*. Còn *lúc mưa gió, phải nghĩ ngay đến thời kỳ hạn hán diễn ra sau đó, nên cần đan gàu chuẩn bị chống hạn*.

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó...

Tạ : *nhà trống* (nhà thủy *tạ*)

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Trường: xa trường”

Viết đúng là “sa trường”. “Sa trường” 沙場 là từ Việt gốc Hán, trong đó “sa” 沙 nghĩa gốc là “cát”, “bãi cát ven sông”. “Sa trường” 沙場 = bãi cát bằng mà rộng, thường dùng để chỉ chiến trường.

(Hàng Tuấn Công)

Vang

Vang : một loại cây có *màu đỏ* (*đỏ như vang*, cây vang “tô phương mộc” dùng để nhuộm)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Trường: trường bạ”

Viết đúng là “chường bạ”, vì “chường” 掌 nghĩa là nắm, giữ; “chường bạ” 掌簿 = người nắm giữ sổ sách giấy tờ; cũng như “chường ấn” 掌印 = người giữ ấn tín.

(Hàng Tuấn Công)

Thịt kho tàu

Tôi đưa câu hỏi: “Tại sao chúng ta gọi thịt kho tàu ngày Tết” .

Có một bà thím giơ tay lên và trả lời rất hóm hỉnh: “*Thịt kho tàu thì miếng thịt phải cắt to*, vì vậy khi kho *nó nổi lên trong nồi như những chiếc tàu*, nên ông bà mình đặt tên”.

Tôi nói tiếp:

“Theo nhà văn Bình Nguyên Lộc, thì chữ “tàu” nói theo ngôn ngữ miền Tây có nghĩa là “*mặn ngọt lờ lợ*”. Những dòng sông có *nước lờ lợ* như sông Cái ở phía trên thì dân Nam Bộ mình gọi là sông Cái Tàu Thượng, sông Cái ở phía dưới thì gọi là sông Cái Tàu Hạ, sông Lòng ở Cần Giờ thì gọi là sông Lòng Tàu vì những sông này có *nước lờ lợ*”.

(Thịt kho tàu ngày Tết - Nguyễn Thanh Quang)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Lời nói đầu

Miền Nam thời kỳ 1954-1975 nói về mặt sinh hoạt văn hóa thì đó là một thời kỳ được vun trồng bởi nhiệt một số lượng nhân sự lớn lao bao gồm các nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, và các nghệ sĩ trong mọi ngành. Trong bối cảnh tự do đó, tổ chức Văn Bút là một hội duy nhất được dành cho giới cầm bút, bao gồm các nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia, các nhà khảo cứu, bình luận gia về mọi ngành thuộc về văn học nghệ thuật.

Trải gần 20 năm ròng rã ấy, đã có biết bao nhiêu sinh hoạt của hội đóng góp vào công cuộc vun trồng nền văn hóa của miền Nam Việt Nam mà nếu có thể ghi chép lại thì cũng gom được thành một tài liệu văn học hữu ích cho các thế hệ sau. Nhưng tiếc thay, cuộc phản thư năm 1975 do nhà cầm quyền CS tiến hành đã thiêu hủy biết bao nhiêu là tài liệu, sách báo quý giá kể cả những tài liệu liên quan đến Văn Bút VN.



Rồi thời gian qua đi, các vị làm văn hóa lão thành vốn đã từng tạo dựng nên hội Văn Bút hầu hết đã quy tiên cả như Nhất Linh, Đỗ Đức Thu, Vi Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Tam Lang Vũ đình Chí, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, LM. Thanh Lãng...v.v. Cho nên nếu dù ai có quan tâm cách mấy về việc viết lại các sinh hoạt của hội Văn Bút thì cũng thấy đều gần như bó tay vì số lượng tài liệu còn tìm thấy được lại quá ít ỏi.

Tuy nhiên một tổ chức văn hóa như thế mà không có tài liệu nào viết về nó dù chỉ là một cách tương đối thì cũng thật là đáng tiếc. Vì vậy, nhân danh một hội viên thuộc thế hệ hậu sinh, đã có dịp gặp gỡ và làm việc chung với nhiều bậc tiền bối như Vi Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, LM. Thanh Lãng... tôi (1) tự thấy có bổn phận phải gom góp tài liệu dù rất ít ỏi để viết về những sinh hoạt của Văn Bút kể từ nhóm Bút Việt cho đến Trung tâm Văn Bút Việt Nam một chặng đường dài từ 1957 đến 1975.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

(1) Nhà văn Nhật Tiến, nguyên Phó Chủ tịch Văn bút Việt Nam (các nhiệm kỳ 1964-1965, 1966-1967, 1973-1974, 1975-1976)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Thật thà ăn cháo, bở láo ăn cơm

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn

Các tác phẩm của thành viên Tự Lực Văn Đoàn được liệt kê dưới đây là trong khoảng thời gian từ 1933 đến 1940.

Thế Lữ:

Trình thám: *Vàng và Máu* (1934), *Bên Đường Thiên Lô* (1936), *Ba Hồi Kinh Dịch* (1936), *Mai Hương và Lê Phong* (1937), *Lê Phong Phóng Viên* (1937), *Đòn Hẹn* (1939), *Gói Thuốc Lá* (1940), *Gió Trắng Ngàn* (1941), *Trại Bò Tùng Linh* (1941),
Tiểu thuyết: *Thoa* (1942).

Thơ: *Mấy Vần Thơ* (1935), *Mấy Vần Thơ, tập mới* (1941).

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cái nét đánh chết cái đẹp,
Cái đẹp đè bẹp cái nét.

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Những người vừa kể thuộc một thế hệ xuất hiện trễ hơn những nhà văn như Võ Phiến, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan lớp trước, có thể gọi là thế hệ thứ hai, mang tâm trạng bất an của *thời đại chiến tranh rõ rệt (Trần Dạ Từ)*.

Năm máu chảy và năm ruột mềm
Năm bom đạn và năm bão lụt

Dương Nghiễm Mậu đã từng làm tôi mê mẩn với truyện “*Từ Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng*” đăng hai kỳ trên nguyệt san Văn. Tôi thuộc một phần Truyện Kiều, nhờ giọng ngâm rất hay của ba tôi. Nhưng *trước Dương Nghiễm Mậu không ai chỉ cho tôi biết rằng Từ Hải chưa bao giờ chết cả*, rằng bi kịch Từ Hải có thể được viết lại, rằng giấc mơ của Thúy Kiều là giấc mơ đời này qua đời khác, và câu thơ *ngọn cờ ngợ ngác trống canh trể tràng* có thể có ý nghĩa hình ảnh như thế nào. Sau đó tìm đọc thêm tác giả này, tôi lại nhận ra nỗi bi phần đen tối, cùng đường bế tắc:

Đó là sự cùng đường của đời sống cá nhân hay sự cùng đường của xã hội miền Nam đứng trên bờ vực thẳm? Đọc Dương Nghiễm Mậu, cũng như đọc Duyên Anh, Viên Linh, Túy Hồng, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thụy Long, tôi có phần bàng khuâng giữa khuynh hướng lý tưởng và khuynh hướng đen tối. Cho đến khi bắt gặp một đoạn văn trong “*Đêm tóc rối*”, đăng trên báo Văn mà tôi còn nhớ mãi những chi tiết chính.

- *Vậy cậu biết con vợ tôi nó mèo mỡ với ai không?...*

- *Tao tha chết cho, tao giao con đĩ rạc lại cho mày, về mà sống với nhau. Mai tao đi rồi...*

Tôi chưa từng đọc một truyện nào như thế cả: một nhân vật xưng tôi tự mổ xẻ chính mình như người võ sĩ Nhật tự cầm dao mổ bụng, một nhân vật *tôi* vừa đáng khinh bỉ vừa đáng thương hại, vừa đáng cảm thông vừa đáng phàn nàn, ngủ với vợ của người quen, một kẻ trí thức sa đọa tự ý thức về sự sa đọa của mình. Một ý thức sáng chói, rướm máu của trí thức Việt Nam. Thời đó đối với tôi, những nhà văn như Dương Nghiễm Mậu là những kẻ dưng cảm, tấm gương của người trẻ tuổi, bất an, nhàm lẩn, nhưng từ bên trong là trong sạch, mặc dù những điều ông viết ra thường buồn bã, tối tăm, đáng ghét, đáng căm phẫn.

Tôi cho rằng những ai muốn hiểu lịch sử tinh thần của miền Nam, sự cùng khổ của nó, giữa các cuộc đảo chánh và các tin tức chiến sự, sự khốn cùng của trí thức như một khuôn mẫu có tính phổ biến cho sự khốn cùng của trí thức nhiều thế hệ, không thể không đọc các tác giả như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Xuân Hoàng, Phan Nhật Nam, cũng như trước đó đã đọc Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Côn. Đó là một nền văn học của nạn nhân. Tôi gọi văn học miền Nam là một nền văn học nạn nhân, vì ở đó tôi tìm thấy những cuộc đời không làm chủ được số phận mình, bỗng nhiên thấy mình là kẻ có lỗi trước lịch sử. Tôi gọi đó là nền văn học nạn nhân vì bản chất trí thức của cuộc chiến đấu của họ, trong đó, những nhân vật văn học bị đẩy tới cuộc chiến đấu không ngang sức và sự chiến thắng của ngòi bút với lưỡi gươm chỉ là huyền thoại.

(Nguyễn Đức Tùng)

Đê cồn buồn sừng húc dậu thưa

Bà Hồ Xuân Hương có câu “*Đê cồn buồn sừng húc dậu thưa*”.

Tàu có câu “*Đê dương húc phiên*” nghĩa “*đê đực húc giậu*”

Bút danh, nghệ danh

Dương Hùng Cường mượn ba âm đầu của họ, tên đệm và tên chính làm âm đầu của bút danh *Đê Húc Càn*. Chữ Hán “*Dương*” có là *dé*, đồng âm, đồng nghĩa với họ.

(Chuyện phiếm về bút danh, nghệ danh – Nhật Thịnh)

Nguyễn Đình Thiều

Lần sau cùng tôi gặp anh *Dương Hùng Cường* trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 là vào khoảng tháng mười hai năm 1974. Anh đi phép và ghé vào Tân Sơn Nhất thăm bạn hữu anh em.

Xuống Khu gia binh uống cà phê, anh nói với tôi rằng đang bắt đầu chuẩn bị việc in ấn quyển *Vĩnh biệt Phương* là tác phẩm thứ hai sau *Buồn vui phi trường*.

Buổi sáng hôm ấy, tôi nhớ cũng có cả anh Nguyễn Đình Thiều, ở từ Lý Tường phòng Tâm lý chiến cùng thời với anh Dương Hùng Cường dạo trước và đã thuyên chuyển đi Căn cứ Không

quân Phan Rang mấy năm rồi. Anh Nguyễn Đình Thiệu từ Phan Rang về và ghé qua Sài Gòn trên đường ra trình diện Trại Cai nghiện ma túy của Quân đội ngoài Phú Quốc. Tôi được tin anh từ trần tại đây vào cuối tháng giêng năm 1975.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tụ)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ núi là cao
Cứ sông là chảy cứ ao là tù

(Bùi Giáng)

Đã có một thời...

Như tôi đã viết trong một bút ký, khi ra tù, chúng tôi được chở trên xe từ trại tù Hàm Tân về trại giam Chí Hòa. Tôi mạn phép bạn đọc cho tôi nhắc lại đoạn bút ký đó:
“Vào buổi chiều tháng 9 năm 1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các ông quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới được thoát ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù Chí Hòa. Ngay từ cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, chắc là để chứng tỏ cái sự “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những thằng may mắn không chết trong ngục tù. Lại là lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy cái cảnh sẽ bị quay phim, *Trần Dạ Từ* kéo tôi lên vỉa hè đi lẩn trong đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người dân tò mò nhìn “cảnh lạ”. Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy. Ra đến đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố như đang nhìn chúng tôi với một vẻ xa lạ và xót thương?

Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, anh rủ tôi ghé vào đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết là bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở ngay sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà mấy chục năm tôi cùng nhiều bạn bè vẫn thường đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu rằng anh về đoàn tụ cùng gia đình chứ còn tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên anh níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì thật ra cho đến lúc đó tôi chưa biết sống ra sao giữa thành phố này”.

(Tết trong trại tù cùng bạn bè – Văn Quang)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Lọc lừa luôn lách lại leo lên...lên lương.

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Buồn vui cùng Trần Tuấn Kiệt

Đã từ nhiều năm nay, Trần Tuấn Kiệt không còn ra ngồi cà phê lúc sáng sớm ở mấy cái quán đầu hẻm gần nhà. Anh bảo, trong người mệt ngồi chỉ chốc lát là cái đầu cứ quay quay muốn té. Ngồi cà phê có nghĩa là ngồi đấy, ở quán, có khi chỉ một mình, mà suy nghĩ đủ chuyện. Trong một thời gian dài từ ngày gia đình anh dời nhà về đây, khoảng cuối những năm 1960, tôi hay tìm được anh ở mấy cái quán rải dài từ chỗ cầu Thị Nghè đến ngã tư Hàng Xanh. Ngày còn đi dạy, trước cũng như sau năm bảy lăm, tôi lâu lâu ghé qua với anh như thể sau giờ đến lớp ở trường Văn Khoa.

Ngồi đấy, tôi hay được nghe Kiệt lẩm nhẩm đọc thơ mình, những câu thơ cũ hay mới xa gần chuyện bạn bè, chuyện thế cuộc nhân sinh... Có khi đang trầm ngâm, Kiệt bỗng đọc lớn lên

mấy vần thơ, bảo nó mới nảy ra trong đầu, rồi lặp đi sửa chữ này, lặp lại sửa chữ kia, cuối cùng ngả người nói, “Xong.”
Đấy là một trong những cách Trần Tuấn Kiệt làm thơ.

(Nguyễn Văn Đậu)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Cam sành lột vỏ còn chua.
Thương em còn nhỏ anh cua để dành.

Đường văn ngũ chữ

Là nhà báo mà không biết chụp hình.

Đây là tự thú của phóng viên **Tô Hòa**, chính ông kể lại:
“Hương “đen” dường như cũng chẳng để ý về ngân ngại thể nào của tôi, lại móc trong lưng ra một khẩu súng Brô-ning nhỏ, đen bóng như con quay sừng. Bao giờ thấy súng tôi cũng có một cảm tưởng nghiêm trọng khác thường. Cách mạng phải có những cái này chứ, tôi vẫn cho là thế. Ít lâu sau ngày cách mạng thành công, Xuân Thủy chủ nhiệm báo Cứu Quốc cho tôi một khẩu súng lục. Chắc là súng giả, vì trông nó gồ ghề màu bô hóng không loang loáng như súng của Hương “đen”. Tôi giắt sau lưng áo, cũng không mở xem bao giờ. Thế mà tôi đã đeo khẩu súng ấy với cái máy ảnh Leica – mà tôi không biết chụp – làm phóng viên báo đi Nam tiến, (**Tô Hòa**) vào tận mặt trận Nha Trang và Củng Sơn ở Nam Trung bộ”

(*Những gương mặt* NXB Hội Nhà Văn 1997 trang 277).

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Bia độc hơn rượu, bằng chứng trên thế giới chỉ có..."mộ bia".
Không có..."mộ rượu".

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tản Đà nức nở khen chữ “vẳng” và chữ “giật mình”, nó ẩn chứa kín đáo nỗi ngậm ngùi của một tấm lòng hoài cổ. Anh phu xe lúc đầu còn chạy hơi nhanh, đến lúc ấy anh đi thong thả để lắng nghe. Tản Đà lại đọc tiếp bài “*Áo bông che đầu*” của Tú Xương:

Ai ơi còn nhớ ai không?
Trời mưa, một mảnh áo bông che đầu.
Nào ai có tiếc ai đâu,
Áo bông ai ướt, *khăn đầu ai khô*.
Người đi Tam đảo, Ngũ hồ
Kể về khúc trúc Thương Ngô một mình.
Non non, nước nước, tình tình,
Vì ai tươi thắm cho mình ngăn ngợ .

Bài thơ này nói về mối tình thắm thiết của Tú Xương với cô Cồn (tức bà Hai Đích), con gái út rất đẹp của tiến sĩ Vũ Công Độ ở Vị Xuyên. Thời trẻ, hai người yêu nhau thắm thiết nhưng ông tiến sĩ không chịu gả vì cho rằng Tú Xương không có tương lai, sự nghiệp. Rồi cô Cồn phải lấy chồng là ông Hai Đích. Năm 23 tuổi, chồng chết, cô ở vậy nuôi con. Ông Tú cũng đã lấy vợ nên hai người không thể đến với nhau, nhưng vẫn lưu luyến người xưa. Một đêm, nhà thơ si tình lượn qua nhà người tình cũ, *gặp mưa phải lấy áo bông che đầu*, lòng càng thổn thức khôn nguôi.

Khi Tản Đà đọc đến chỗ “*khăn đầu ai khô*” thì tự nhiên anh phu xe dừng lại. Tản Đà đọc hết bài thì anh quay lại khen “Hay quá!”

Thấy lạ, một người phu xe mà biết thưởng thức văn chương, hỏi ra mới biết người kéo xe không phải là dân chuyên nghiệp, ông ta là *một thầy đồ* vì trần lụi mắt sạch tài sản nên nghèo đói, phải ra Hà Nội kéo xe. Từ lúc ấy, chúng tôi không dám lên xe cho ông kéo nữa. Ba người cùng đi bộ với nhau để nói chuyện thơ, rồi cùng về tòa báo ở phố Hàng Lọng. Tản Đà mời ông phu xe vào nhà chơi, *cùng uống rượu* và biếu ông một đồng bạc.

(Huyền Viêm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Học hành như cá kho tiêu .
Kho nhiều thì mặn học nhiều thì ngu

162 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cái ngày khác rất gần đây mà tôi lại trở lại căn nhà 71, Ngã Tư Sở, là ngày 7 tháng 6 năm 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông *Tản Đà* nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá giờ Ngọ. Sớm nay (7-6) ở thư viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Đọc đường phố Hàng Bông, người trưởng nam ông Nguyễn Khắc Hiếu mếu máo tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ.

Ông Tản Đà giữ tôi lại:

- Này, đi đâu? Lâu lắm không uống với nhau một chén nào cả. Ở đây rồi ta tiểu ầm.

Rồi ông chỉ cái thẩu rượu có ngậm đôi ba con cáp giới còn nguyên hình:

- Cửa một ông bạn ngoài Quảng Yên làm quà cho. Để đợi hôm nào khỏe, chúng ta sẽ dùng hết. Cái giống này tráng dương lắm. Lai đã bưng siêu nước ra (Lai là tên một người hầu cận thi nhân):

- Này Lai, con chạy ra đầu phố xem có cái gì mua về uống rượu. Con tùy tiện lấy.

Nghe mà thấy dài quá! Nghe mà thấy sang quá! Ai dám bảo ông Tản Đà là luôn luôn tưng quẩn. Tôi tùm tùm cười. Lai ở chợ đã về và đã nhanh nhẩu bày lên bàn những món tửu hào. Trên cái bàn gỗ mộc, Lai đã đặt lên đây một cái hỏa lò than hồng. Một đĩa bún Thanh Trì trắng phau điểm vài ngọn rau húng láng xanh ngát. Và mười gấp chả thịt lợn ba dọi có bóp riêng mè.

Lai cũng phanh phạch quạt nan quạt lửa than hồng vào người chúng tôi. Rượu nặng phân bắt đầu ngấm, bốc mãi nhiệt độ trong người. Nếu không yêu và kính chủ nhân, thì có mà phải tội mới ngồi hầu một bữa rượu chín được người như thế này. Cũng như bao giờ, Tản Đà là người nói nhiều nhất trong những lúc cử tửu. Giữa cái nóng nực của bữa rượu trời hè, tôi, mồ hôi chảy ròng ròng, ngồi nghe ông Tản Đà luận bàn về người trong thanh sử.

Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thất lại. Ông Tản Đà còn hấp hối và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản Đà có nét mặt răn rúm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm một người bất đắc chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sóng sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn bên chông sách bữa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cao! Trời! Và lẻ loi ở góc bàn vẫn cái *hũ rượu cáp giới ngày nọ*. Tất cả, chỉ có thế thôi”.

(Chén rượu vĩnh biệt – Nguyễn Tuân)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cồng rãnh sóng sánh với đại dương

Chân dung hay chân tướng nhà văn?



Năm 1992 một sự kiện âm ỉ nổ ra trong giới xuất bản. Chuyện bắt đầu từ tập thơ “*Lên chùa*” của nhà thơ Xuân Sách vốn được sáng tác lai rai từ 30 năm trước. Vào một dịp thăm Xuân Sách ở Vũng Tàu, tướng Trần Độ ghi âm Xuân Sách đọc gần 100 bài thơ này.
(Nhận diện Chân dung nhà văn)

Cuối năm 1992, nhà văn Hoàng Lại Giang lúc đó là trưởng chi nhánh NXB Văn Học tại TP SG được nghe cuốn băng này và đề nghị Xuân Sách cho xuất bản với tên *Chân dung nhà văn*.

Mặc dầu NXB Văn học đã rào trước đón sau trong lời nói đầu:

“ Chúng tôi chỉ coi đây là những nét tự trào của giới cầm bút Việt Nam. Cười đấy nhưng cũng tự nhận ra những xót xa, hạn hẹp của chính mình, những gì chưa vượt qua được trên chặng đường quanh co của lịch sử và thời đại. Cái cười trong truyền thống dân gian vốn là sức mạnh thúc đẩy đi tới phía trước. Với ý nghĩ ấy, chúng tôi mong bạn đọc và các nhà văn thông cảm cho những gì bất cập hoặc chưa lột tả được thần thái của từng chân dung... Dù sao đây cũng là 100 bức tranh nhỏ về những người trong văn học, những người nổi tiếng trong làng văn. Rất mong độc giả và các nhà văn nhận ra mối chân tình trong cuộc vui của làng văn, và lượng thứ cho những khiếm khuyết. “

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Thật thà thẳng thắn thường...thua thiệt

Chinh phụ ngâm bị khảo

Học giả Nguyễn Hữu Tiến cho biết bài trên chép trong *Dự am ngâm lục* của Phan Huy Ích và giảng giải đại khái như sau:

“Ông Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục làm ra khúc *Chinh phụ ngâm*, tình cao cả, nhạc điệu siêu thoát, truyền bá rộng rãi nơi nơi, ai cũng ngâm nga thích thú và nhiều người đã dịch ra quốc âm, nhưng theo về âm luật thì dịch sao cho được cái tinh túy trong mạch văn, vậy phải theo thiên chương và hiệp với âm nhạc mà diễn ra mới được. Nay nhân buổi nhàn, đã dịch thành khúc mới, chắc tin rằng suy minh được lòng tác giả”.

Cũng như Nguyễn Hữu Tiến, Hoàng Xuân Hãn tin rằng bản dịch *Chinh phụ ngâm* lưu loát phải của Phan Huy Ích chứ không phải của Đoàn Thị Điểm. Ông đã tìm ra một bản dịch khác có chữ “nữ giới” và ngờ rằng đó là bản do Hồng Hà nữ sĩ diễn ngâm.

Đoàn Thị Điểm hiệu Hồng Hà, sinh năm 1705, quán Văn Giang, Bắc Ninh, như sách chép lại “dung sắc kiều lệ, cử chỉ đoan trang, lời nói văn hoa, sự làm lễ độ”. Bà giỏi thi họa và ứng đối nên sớm nổi danh là tài nữ.

Tuy là nữ lưu, nhưng có chí lớn, tài cao khi cha mất thì theo anh và khi anh mất thì nuôi cháu nên muộן lập gia đình. Nhờ tài học nức tiếng gần xa, lại giỏi kinh dịch, có tài làm thuốc cứu nhân độ thế nên được đời trọng vọng, từng mở trường dạy học và sĩ tử gần xa tới tụ nơi trường nghe giảng dạy.

Ngoài ba mươi, khoảng 37, cuối 1741, nữ sĩ mới lập gia đình với tiến sĩ Nguyễn Kiều, một cây bút học rộng tài cao, góa vợ, đang giữ chức Thị lang. Nguyễn Kiều, vào 1742, có lần đi xứ Trung hoa ba năm mới về (1745). Phải chăng vắng chồng, xúc động tâm sự, Đoàn Thị Điểm đã gửi nỗi lòng vào bản dịch *Chinh phụ ngâm*?

Bà tạ thế khi theo chồng vào làm quan ở Nghệ An vào năm 1748.

(*Chinh phụ ngâm bị khảo* – Hoàng Yến Lưu)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Chuẩn không cần chỉnh.

Văn miếu



Bia tiến sĩ và giếng Thiên Quang

Văn miếu (1) có Khuê văn các in bóng trên mặt gương Thiên Quang tỉnh [giếng], có bia Tiến sĩ và có cả bàn thờ Khổng Tử [551-479 TCN].



Văn miếu

Dân Hà thành cho đến khoảng giữa thế kỷ XX cũng không mấy người rõ tại sao Văn miếu thờ Khổng Tử lại gọi là "nhà Giám" [Quốc tử giám] và "nhà Giám" là gì ? Tại sao bia Tiến sĩ lại cất ở Văn miếu chứ không ở một nơi nào khác ? Bia Tiến sĩ là gì, để làm gì ? Máy ai thấy hết những cái gì đáng xem nhất trong Văn miếu nhưng vẫn mơ hồ chưa hiểu Văn miếu có gì đặc biệt.

Văn miếu là di sản văn hóa non một nghìn năm tự trị của Việt Nam, chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung quốc với Khổng giáo / Nho giáo bao gồm cả Quốc tử giám và Khoa cử với ít sửa đổi cho thích hợp với tình trạng và tâm cảm Việt Nam.

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

(1) Văn miếu xây ở kinh đô, do vua lập, *Văn từ*, *Văn chỉ* do hương thôn lập, kiến trúc đơn giản hơn.

Cảnh đào Quang Trung - 1

Nhà sử học Lê Văn Lan có một bài giới thiệu về chùa Bộc (1) ở Hà Nội. Bài viết này được chép lại trên *trang Wiki*. Trước giờ, tôi (Trần Nhuận Minh) cứ tưởng Wiki phải tham khảo bài viết của nhà chuyên môn, không dè lại là ngược lại.

(1) Chùa Bộc ở Hà Nội có pho tượng với hai câu đối ở hai bên: “Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đồng vụ - Quang Trung hóa Phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân” ngụ ý nói rằng ở Thăng Long vẫn còn có chỗ để thờ Quang Trung dưới dạng tượng Phật. Theo Nguyễn Phương trong *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn*, Sài Gòn: Khai Trí 1968, trang 40, cước chú viết: “Nhiều người cứ tưởng là tượng Phật, nhưng kỳ thực hình dung Quang Trung mình mặc triều phục mà chân một trong hia, một để ra ngoài trông rất ngang tàng, rất anh hùng cái thế. (tr 159)

Nhưng cái đáng nói là ở đoạn kết bài viết của Lê Văn Lan:

“...Cảnh vật chùa Bộc làm tôi nhớ đến chuyện tình cảm động của công chúa Lê Ngọc Hân với Hoàng đế Quang Trung, sau chiến thắng quân Thanh, vua cho mang cảnh đào về báo tin thắng trận cho vợ, mang cả mùa xuân Thăng Long về Phú Xuân...”.

Đoạn này của nhà sử học cho thấy ông có sự sai lầm không đáng có ở trong Viện sử học. Trong văn học cũng vậy, Chế Lan Viên cũng đã nhầm lẫn nên làm bài thơ...

Hắn nhớ Thăng Long hẳn nhớ đào
Mai vàng xứ Huế có khuây đâu
Đào phi theo ngựa về cung nhé

Nở cạnh đài gương sắc chiến bào

Tôi đành phải thưa với hai ông về cảnh đào này vậy:

Mùng 5 Tết 1789, đại quân Tây Sơn quét sạch Mãn Thanh tiến vào Thăng Long. Chiến thắng này mang lại không ít khoái cảm tự hào dân tộc. Từ đó có nhiều giai thoại về nhà Tây Sơn, và giai thoại “Cành đào Quang Trung” là lãng mạn nhất trong số đó.

Chuyện kể rằng: Hoa đào Thăng Long năm ấy nở rộ, Huệ thấy vậy nên chọn cành đào Nhật Tân đang nụ, sai phu trạm mang vào Phú Xuân tặng Ngọc Hân. Cành đào được buộc chéo bằng lạt giang mềm. Dịch trạm thay nhau *hỏa tốc* đưa cành đào, *chỉ hai ngày sau, mùng 7 tháng Giêng, là đã đến* tay người nhận.

Chi tiết cành đào này đắt giá đến nỗi đã được chính thức đưa vào lễ hội Đống Đa hàng năm. Được các văn nghệ sĩ khai thác tối đa sau này, lâu ngày chày tháng, nó được nhìn nhận là sự thật trong tâm tưởng của không ít người để tin.

(Trần Nhuận Minh)

Quá trình phát triển hát cung văn

Theo truyền thuyết, tục thờ Thánh mẫu *bà Chúa Thượng Ngàn, là công chúa My Nương, con gái Sơn Tinh*. Bà cùng cha được ngọc hoàng gọi về trời giao việc.

Theo truyền thuyết thì *hát cung văn ra đời từ tục thờ Thánh Mẫu*, có thể coi hát cung văn tồn tại lâu đời trong dân gian, xuất xứ từ thầy cúng. *Hát chầu văn sau tục thờ đức Thánh Trần* chuyển thành nghi lễ suy tôn người thật, việc thực. Hát cung văn dù là truyền thuyết hoang đường, vào cái buổi hồng hoang ấy, người dân vẫn gắn vào những sự tích như là người thật để tôn thờ.

(Tuấn Giang)

Cành đào Quang Trung - 2

Sách sử trước kia không hề có ghi chép nào về “Cành đào Nguyễn Huệ”, vậy chi tiết này từ đâu ra? Thưa rằng, từ trí tưởng tượng bay bổng của một kịch tác gia miền Bắc viết về tuồng chèo. Nhờ chi tiết cành đào Quang Trung tặng vợ quá “đắt”, nên có nhiều người ngỡ là thật (2).

(2) Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cũng viết truyện “Cành đào Nguyễn Huệ”.

“Giờ ta thử kiểm nghiệm thực tiễn. Khoảng cách *Hà Nội-Huế là 659 km*, cho rằng vận tốc ngựa trạm bằng vận tốc trung bình của vận động viên xe đạp là 50 km/giờ. Không kể thời gian đổi người thay ngựa, sớm nhất *cũng phải 13 ngày mới đến nơi*. Qua mười mấy ngày đó, *đào sẽ trụi sạch lá, đừng nói đến hoa, dù nụ hay bung*. Vậy mà “sử liệu” cành đào Nguyễn Huệ được viết từ sau thời điểm vỡ chèo *Quang Trung ra đời năm 1964...*”

Mãi sau này một nhà phê bình văn học đi tìm những cụ lão làng viết kịch chèo kỳ cổ:

“...Có thể lấy chuyện vua Quang Trung đánh tan quân Mãn Thanh và tiến vào Thăng Long làm ví dụ”, như: “*Khi viết kịch bản chèo*, tác giả *Trúc Đường (3)* đã hư cấu chi tiết *vua Quang Trung qua* làng Ngọc Hà, thân hành lấy một *cành đào đầy nụ để sai người chuyển về Phú Xuân cho công chúa Ngọc Hân*. Chi tiết này vừa đẹp, vừa mang nhiều lớp nghĩa nên được đề cao tới mức *nhiều nhà sử học coi đó là chuyện thật...*”.

(3) Trúc Đường tên thật Nguyễn Mạnh Phác (1911-1983), quê ở Vụ Bản, Nam Định (ông là anh nhà thơ Nguyễn Bính). Ông chuyên soạn kịch về đề tài lịch sử. Những vở kịch chèo nổi tiếng là *Thái hậu Dương Vân Nga, Quang Trung, Hoàng Diệu*.

Năm 1962, sau thành công vỡ Quang Trung trên sân khấu kịch chèo, Trúc Đường chuyển hẳn sang viết kịch bản về đề tài lịch sử. Có lẽ trong Trúc Đường, từ chỗ giao thoa của hai luồng suy nghĩ về lịch sử và về hiện thời đã bật lên, loé lên những sáng tác, cái mà Pau-tốp-ski gọi là những “tia chớp”, nó soi rọi cho ông. Trúc Đường không tái hiện lịch sử một cách đơn thuần. Ông tái hiện nó trong hơi thở của thời đại hôm nay.

Trong kịch của Trúc Đường, nhiều tình tiết được tác giả hư cấu theo tinh thần đó. Một chi tiết mà sinh thời Trúc Đường rất tâm đắc: *Cành đào tết trong vở Quang Trung*. Ông hư cấu, tái tạo,...từ lịch sử trở nên "ngọt" và êm, không "chối". Trúc Đường đã có đóng góp vào sự phát triển của kịch hiện đại, nhất là đóng góp về phương diện đề tài lịch sử. Với Trúc Đường và Tào Mạt, chèo lại có thêm một mảnh đất đưa chèo đến một bến bờ mới ở thời đại chúng ta.

(Trần Nhuận Minh)

Chửi mắt gà - 1

Bờ làng trên xóm dưới, bờ láng giếng láng tời bên sau bên trước, bên ngược bên xuôi! Bà có con bà mái xám mới ghe ở, nó mới lạc ban sáng mà thằng nào con nào, đứa ở gần mà qua, đứa ở xa mà lại, nó dang tay mặt, nó đặt tay trái, nó bắt mắt của bà, thì buông tha thả nó ra, có đứa nào trót nhờ tay đánh cắp con gà mái ghe của bà thì hãy banh lỗ tai vạch lỗ nhĩ lên mà nghe bà chửi đây này...

Chém cha đứa bắt gà nhà bà, chiều hôm qua bà cho nó ăn nó vẫn còn. Sáng hôm nay con bà gọi nó nó vẫn còn, mà bây giờ nó đã bị bắt mất. Mà muốn sống mà ở với chồng với con mà thì buông tha thả nó ra cho nó về nhà bà, nhục bằng mày chấp chiếm, thì bà đào mã thằng tam tứ đại nhà mày ra, bà khai quật bật sãng thằng ngũ đại lục đại nhà mày lên. Ối cái thằng chết đằm, cái con chết xía kia, mày mà giết gà nhà bà thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba. Mày xuống âm phủ thì quỷ sứ thân linh rút ruột mày ra a a a a ...

Thành ngữ tục ngữ

Qua rào võ vế .

Ý nói : Sau khi vượt qua một bước khó khăn, lấy làm vui mừng. Vui mừng thì vỗ tay chứ không vỗ vế (đùi) là tỏ vẻ coi thường. Câu nói có ý chê kẻ vừa thoát khỏi, thậm chí có khi chưa thoát khỏi bước khó khăn đã tỏ ra kiêu ngạo.

(Nguyễn Dư)

Chửi mắt gà - 2

Mày dám xơi thịt con gà mái yêu của bà í à? Bà là bà rửa cho mày ngóc đầu lên không được đấy con ạ ạ ạ . . . Cái con gà nó ở nhà bà nó là con công con phượng, chứ nó về đến nhà mày nó thành con cú, con cáo, con thần nanh mổ đồ, nó mổ chồng mổ cha mổ tiên sư ông bố ông cố nội mày ra thành trăm mảnh. Bà là bà vút xuống ao cho cá nó rửa, rồi bà lại đem lên bờ cho chó nó liếm đấy con ạ. ạ ạ ạ . . .

Bà rửa cho mày là *mày ngủ giường: giường sập, mày ngủ võng: võng đứt*, mày thức mày cũng mơ thấy ma móc mắt mày ra, *mày tắm ở ao mày chết chìm trong chậu, mày đi ra đường xe bò cán mày bẹp đầu*, mày đi trên lề đường cây khô rớt xuống gãy cổ, mày uống được ngụm nước vào mồm máu đỏ mày phọt ra đặng mũi, máu trắng mày tuôn ra đặng tai, mày ăn miếng rau mày ối ra miếng thịt. Mày dám đớp thịt con gà của bà hở? Thì ối giờ ối tóc tai lông lá mày rụng sạch. Bà cuộn lại thành chổi bà quét hồ xi